

QUYỀN I – KHOA HỌC

Tác giả xin kính dâng bộ sách này cho Hội Thông Thiên Học, được sáng lập ở New York, năm 1875 sau Công nguyên, ĐỂ HỘI NGHIÊN CỨU NHỮNG ĐỀ TÀI MÀ BỘ SÁCH BÀN TỚI.

CHƯƠNG X

CHƠN NHƠN VÀ PHÀM NHƠN

- Cha Félix tổ cáo các nhà khoa học.
- “Điều bất khả tư nghị”.
- Nguy cơ của những kẻ sơ cơ trục triệu ma quỷ.
- Lares và Lemures.
- Bí mật của các đền thờ Ấn Độ.
- Sự luân hồi.
- Thuật phù thủy và các nhà phù thủy.
- Sự xuất thần do uống nước Soma linh thiêng.
- Một vài “u hồn” rất dễ bị tổn thương.
- Thí nghiệm của Clearchus đối với một đứa bé trai đang ngủ.
- Tác giả chứng kiến một thử nghiệm pháp thuật ở Ấn Độ.
- Trường hợp Cevennois.

Bản trình bày loài cá nhái rút ra từ tam diện trùm khắp thần khí của cha ông đã bị tẩy xóa đi.

TAY. : Trong tác phẩm *Người Lyd. Thông tuệ, 20*

“Linh hồn càng có nhiều quyền năng nhận thức được sự thật thông qua bản thân với một bản chất sáng tạo hơn. Những linh hồn như thế được cứu rỗi do sức mạnh của chính mình theo đúng sấm truyền”. – PROCLUS trong tác phẩm I. Alc.

“Vì linh hồn liên tục chạy qua *chạy lại mọi thứ* trong một thời khoảng nào đó được hoàn tất, cho nên giờ đây nó bắt buộc phải chạy trở lại qua mọi thứ và triển khai cùng một mạng lưới sinh sản trên thế giới . . . Đó là vì cũng giống như các nguyên nhân giống nhau quay trở lại, thì những hậu quả giống nhau cũng trở lại giống như thế. – FICIN. *Bản về niên đại bất tử 129 trong Sấm truyền của người Chaldea.*

“Nếu người ta không gán cho nó một cứu cánh đặc thù nào đó
Thì cái trí chỉ nghiên cứu chuyện tầm phào có vẻ đúng” – YOUNG.

Từ lúc mà cái phôi bào thai được hình thành cho tới khi con người già nua, trút hơi thở cuối cùng, bước vào năm mồi thì khoa học kinh viện chẳng hiểu nổi đầu cua tai nheo của chuyện ấy; tất cả có trước chúng ta đều trống rỗng, tất cả có sau chúng ta đều là hỗn mang. Đó là vì chẳng có bằng chứng nào về mối quan hệ giữa tinh thần, phần hồn và thể xác hoặc là trước hoặc là sau khi chết. Chỉ nội nguyên sinh khí thôi cũng là một câu đố không giải được, thuyết duy vật đã hoài công vắt kiệt trí năng của mình để nghiên cứu nó. Đứng trước một xác chết, nhà sinh lý học đa nghi bèn cầm như hến khi bị học trò vặn hỏi, cái người trước kia thuê mượn cái hộp rỗng tuếch này ở đâu mà ra và y đi đâu mất tiêu rồi. Cũng giống như thầy, học trò phải không được thỏa mãn với lời giải thích rằng nguyên sinh chất tạo ra con người, lực làm cho hoạt động và giờ đây lại thiêu rụi thể xác; hoặc là y phải vượt ra ngoài biên cương của

trường học cũng như sách vở trong thư viện để tìm ra lời giải thích cho điều bí nhiệm này.

Đôi khi thật là thú vị mang nhiều tính giáo huấn khi theo dõi hai đối thủ lớn, khoa học và thần học đụng độ với nhau. Đầu phải mọi con em của Giáo hội đều không thành công khi toan tính bào chữa giống như Tu viện trưởng tội nghiệp Moigno ở Paris. Ông này thật khả kính và thánh thiện, đầy hảo ý với toan tính không có kết quả nhằm bác bỏ lập luận tự do tư tưởng của Huxley, Tyndall, Du Bois Raymond và nhiều người khác đã gặp phải một sự thật đáng buồn. Trong lập luận giải độc cho sự thành công của ông nhiều hơn hoài nghi về việc tưởng thưởng cho chuyện rắc rối của ông, "Hội đoàn Chi mục" đã cấm lưu hành tác phẩm của ông trong đám tín đồ.

Thật là một cuộc thí nghiệm nguy hiểm khi dẫn thân vào việc đơn phương thách đấu với các nhà khoa học về những đề tài vốn được các cuộc khảo cứu thực nghiệm chứng minh rõ ràng. Trong điều mà họ *biết* rằng mình không thể bị đả kích và cho tới khi họ tự tay hủy hoại công thức cũ để thay thế nó bằng một công thức mới được khám phá nhiều hơn chẳng có ích gì mà chiến đấu chống lại Achilles – quả thật trừ phi người ta đủ may mắn để tóm được cái gót chân dễ bị tổn thương của vị thần nhanh chân này. Gót chân này chính là điều mà họ thú nhận là mình không biết!

Đây chính là một công cụ quý quyết mà một nhà thuyết pháp nổi tiếng nào đó đã cầu viện tới để thu phục được người phạm. Trước khi ta tiến hành tường thuật những sự kiện phi thường mặc dù đã được kiểm chứng kỹ lưỡng mà ta dự tính đưa vào chương này đầy đủ, thì thật là một chính sách đúng đắn khi một lần nữa cho thấy khoa học hiện đại có thể dễ sai lầm như thế nào về mọi sự kiện trong thiên nhiên vốn không thể trải nghiệm được bằng bình cổ cong hay lò luyện. Sau đây là một vài mảnh vụn rút ra từ một loạt những bài giảng của F. Felix ở Notre Dame, tựa đề là *Điều Bí nhiệm và Khoa học*. Chúng đáng được phiên dịch và trích dẫn trong một tác phẩm vốn cũng đảm nhiệm đúng cái tinh thần mà nhà thuyết pháp phô trương. Đó là vì đã từng một lần Giáo hội im lặng trong một thời gian trước sự ngạo mạn của kẻ thù truyền thống ngay trước mặt các nhà hàm lâm viện sĩ bác học.

Ta biết rằng nhà thuyết pháp vĩ đại để đáp ứng lòng mong muốn phổ biến của tín đồ và có lẽ theo lệnh của cấp trên trong Giáo hội đã dọn mình cho một nỗ lực lớn lao để hùng biện và nhà thờ chính lịch sử đông nghẹt một hội đoàn quái quỷ. Giữa sự im lặng thâm u ông bắt đầu bài thuyết trình của mình mà những đoạn trích dẫn sau đây cũng đủ cho mục đích của ta:

"Người ta đã thốt nên lời lẽ chẳng lành chống lại chúng ta khi đem sự tiến bộ của KHOA HỌC ra đối chiếu với Ki Tô giáo. Đây là sự triệu thỉnh dễ sợ mà họ cố gắng làm cho ta thất kinh. Đối với mọi điều mà ta có thể nói là sự tiến bộ dựa trên Ki Tô giáo thì họ luôn luôn sẵn sàng trả lời: Điều này không hợp *khoa học*. Chúng ta nói tới sự khai huyền thì sự khai huyền không hợp với khoa học. Chúng ta nói tới phép lạ thì phép lạ không hợp với khoa học.

"Như vậy bọn chống Ki Tô trung thành với truyền thống và giờ đây sẵn sàng hơn bao giờ hết giả vờ dùng khoa học để tiêu diệt chúng ta. Nó tự xưng là ánh sáng . . .

"Cả trăm lần tôi tự nói thể thì cái khoa học khủng khiếp đang sẵn sàng ăn tươi nuốt sống chúng ta là cái gì vậy? . . . Phải chăng đó là khoa học toán? . . . Nhưng chúng ta cũng có các nhà toán học. Phải chăng đó là vật lý học? Thiên văn học? Sinh lý học? hoặc Địa chất học? Nhưng trong Công giáo La Mã ta cũng có các nhà thiên văn học, vật lý học, địa chất học ^[1] và sinh lý học, họ cũng là một nhân vật khá lỏi lạc trong giới khoa học, có địa vị ở Hàn lâm học viện và có tên tuổi trong lịch sử. Dường như cái muốn đè bẹp chúng ta không phải là khoa học này hoặc khoa học kia mà là khoa học chung chung.

[1] Chúng tôi tự hỏi chẳng biết Cha Felix có chuẩn bị để bao gồm thánh Augustine, Lactantius và Bede trong loại này chẳng?

“Và tại sao họ dám tiên tri sẽ dùng khoa học để lật đổ Ki Tô giáo? Hãy lắng nghe đây . . . Chúng ta ắt bị khoa học tiêu diệt vì chúng ta dạy những điều bí nhiệm và những điều bí nhiệm của Ki Tô giáo mâu thuẫn triệt để với khoa học hiện đại . . . Bí nhiệm là phủ nhận óc phân biệt phải trái thông thường; khoa học ghê sợ nó; khoa học kết án nó; khoa học đã bài xích nó.

Ồi bạn cũng đúng thôi; nếu bạn tuyên cáo điều bí nhiệm của Ki Tô giáo thì nhân danh khoa học bạn phải bài xích điều ấy. Không có gì phản cảm đối với khoa học hơn là điều phi lý và điều mâu thuẫn. Nhưng vinh danh thay cho sự thật! Điều bí nhiệm của Ki Tô giáo không giống như thế. Nếu mà nó giống như thế thì bạn bắt buộc phải giải thích những điều bí nhiệm khó giải thích nhất. Trong vòng gần 2.000 năm, tại sao biết bao nhiêu đầu óc lỗi lạc và các thiên tài hiếm có lại chọn theo các điều bí nhiệm của ta mà không nghĩ tới việc chối bỏ khoa học hoặc từ bỏ lý trí ^[1]. Cho dù bạn có nói nhiều tới khoa học hiện đại, tư tưởng hiện đại và thiên tài hiện đại thì trước năm 1879 vẫn có các nhà khoa học.

Nếu những điều bí nhiệm của ta mà rành rành phi lý và mâu thuẫn như thế thì làm sao những thiên tài đầy quyền năng như vậy lại chấp nhận những điều bí nhiệm ấy mà không một chút nghi ngờ? . . . Nhưng Thượng Đế ngăn ngừa không cho tôi khăng khăng chứng tỏ việc điều bí nhiệm không hàm ý mâu thuẫn với khoa học! . . . Có ích lợi gì mà dùng những điều trừu tượng siêu hình để chứng tỏ rằng khoa học có thể dung hòa với điều bí nhiệm, khi mọi thực tại của cơ sáng tạo đều cho thấy không chối cãi được rằng điều bí nhiệm ở khắp mọi nơi đều làm cho khoa học bối rối? Bạn yêu cầu tôi chứng minh cho bạn không còn nghi ngờ gì nữa rằng khoa học chính xác không thể thừa nhận điều bí nhiệm; tôi xin dứt khoát trả lời với bạn rằng khoa học không thể trốn thoát được điều bí nhiệm. Điều bí nhiệm là cái **SỐ PHẬN PHỦ PHÀNG** của khoa học.

“Liệu chúng tôi có nên đưa ra bằng chứng không? Trước hết thì bạn hãy nhìn xung quanh cái thế giới thuần túy vật chất này, từ nguyên tử nhỏ nhất cho tới mặt trời hoành tráng nhất. Ở đó, nếu bạn cố gắng bao trùm vào một điều đơn nhất chỉ một định luật chi phối mọi vật thể và chuyển động của chúng, nếu bạn tìm lời để giải thích trong cái khung cảnh rộng lớn của vũ trụ này vẫn có một sự hài hòa màu nhiệm khi tất cả dường như đều tuân phục thể lực của một lực duy nhất, thì bạn đành thốt nên một lời để diễn tả nó là *Sức Hút* . . . Đúng vậy, sức hút chính là cái toát yếu cao siêu của khoa học bàn về các thiên thể. Bạn bảo rằng trong khắp cả không gian các thiên thể này đều nhận ra nhau và hút lẫn nhau; bạn bảo rằng chúng hút nhau tỉ lệ với khối lượng của chúng và tỉ lệ nghịch với bình phương khoảng cách của chúng. Và thật vậy, cho tới giờ phút này thì chẳng có điều gì xảy ra mà cái chính được lời khẳng định này, song mọi thứ đều xác nhận một công thức giờ đây nắm quyền tối cao trong **ĐỊA HẠT GIẢ THUYẾT** và do đó từ nay trở đi vui hưởng cái vinh quang là một chân lý hiển nhiên vô địch.

“Thưa các ngài, tôi thật lòng khiến cho khoa học phải tuân phục cái quyền uy tối cao của sức hút ấy. Đâu phải tôi muốn làm mờ nhạt đi ánh sáng trong thế giới vật chất phản chiếu lên trên thế giới tinh thần. Vậy thì cái địa hạt sức hút này rành rành ra đó, nó chiếm quyền tối cao; nó nhìn chòng chọc vào mắt ta!

“Nhưng cái sức hút này là gì vậy? Ai đã thấy sức hút? Ai đã gặp sức hút? Ai đã chạm vào sức hút? Bằng cách nào mà những vật thể câm lặng này vốn *thông minh* và không nhạy cảm mà lại vô hình trung tác dụng lên nhau cái sự hỗ tương tác động và phản tác động giữ cho chúng đạt được trạng thái quân bình chung và sự hài hòa nhất trí? Phải chăng *cái lực này* đã hút mặt trời với mặt trời, nguyên tử với nguyên tử, là

[1] Chẳng hạn như Copernicus, Bruno và Galileo? Muốn biết thêm những chi tiết đặc biệt thì hãy xem “Chỉ mục San nhuận”. Thật vậy, ngạn ngữ bình dân thật khôn ngoan khi bảo rằng: “Sự táo bạo đánh chiếm được các thị trấn chỉ bằng một tiếng hò reo”.

một tác nhân trung gian vô hình đi từ cái này sang cái kia? Và trong trường hợp đó tác nhân trung gian này là cái gì vậy? Ở đâu ra cái lực làm tác nhân trung gian, cái quyền năng bao trùm mà cả nguyên tử lẫn mặt trời đều không thể trốn thoát khỏi nó. Nhưng liệu cái lực này có gì khác với bản thân những yếu tố vốn hút lẫn nhau chẳng? . . . Bí mật! Thật là bí mật!

“Đúng vậy, thưa quý ngài, cái lực hút chói sáng rực rỡ xuyên suốt thế giới vật chất này vẫn còn là một điều bí nhiệm không xuyên thấu được đối với thâm tâm của quý vị . . . Được thôi! Chẳng lẽ vì nó bí nhiệm mà quý vị lại chối bỏ thực tại của nó vốn đụng chạm tới quý vị, chi phối quý vị, khống chế quý vị? . . . Và lại nữa, xin quý vị vui lòng nhớ cho rằng điều bí nhiệm vốn là nền tảng của mọi khoa học nhiều đến nỗi nếu quý vị muốn loại trừ điều bí nhiệm thì quý vị ắt bắt buộc phải dẹp bỏ chính khoa học luôn. *Hãy tưởng tượng khoa học theo bất cứ cách nào mà bạn thích*, theo sát cách đi kỳ diệu của nó qua những điều suy diễn . . . Khi bạn tới tận cội nguồn gốc rễ của nó thì bạn lại giáp mặt với *điều chưa biết* ^[1] .

“Ai có thể xuyên thấu được bí mật của việc tạo lập ra một vật thể, việc sản sinh ra một nguyên tử thôi? Tôi chẳng cần nói tới trung tâm điểm của mặt trời mà chỉ cần nói tới trung tâm điểm của nguyên tử thôi? Ai đã thăm dò được tới tận đáy vực sâu trong một hạt cát? Thưa quý ngài, khoa học đã nghiên cứu hạt cát trong 4.000 năm, nó đã trở đi trở lại hạt cát, nó chia nhỏ hạt cát ra rồi lại chia nhỏ ra tiếp, nó hành hạ hạt cát bằng những thí nghiệm của mình; nó vặn vẹo hạt cát đến nỗi bực mình để rút ra được lời nói tối hậu về cấu tạo bí mật của hạt cát, nó dò hỏi hạt cát với sự tò mò khôn nguôi: ‘Liệu ta có thể chia mi nhỏ vô cùng hay chẳng?’ Thế rồi bằng khuâng giữa đôi vực thăm, khoa học do dự sầy chân, cảm thấy chói mắt, đâm ra choáng váng và tuyệt vọng thốt lên: **TÔI CŨNG CHẴNG BIẾT NỮA!**

“Nếu bạn có sở phận dốt đặc về sự khởi nguyên và bản chất ẩn tàng của một hạt cát thì làm sao bạn có được trực giác về sự sản sinh ra một sinh vật thôi? Sự sống nơi một sinh linh ở đâu ra vậy? Nó bắt đầu nơi đâu? Nguyên sinh khí là gì?” ^[2]

Liệu các nhà khoa học có thể đối đáp được với vị tu sĩ hùng biện ấy chẳng? Liệu họ có thể trốn thoát được cái lý luận không thương xót của ông ta chẳng? Điều bí nhiệm chắc chắn là bủa vây họ mọi phía; và cái vùng *Viễn cực Tối hậu* cho dù của Herbert Spencer, Tyndall hay Huxley đều viết lên những cánh cổng khép kín những lời lẽ sau đây: **KHÔNG THỂ HIỂU NỔI, KHÔNG THỂ BIẾT ĐƯỢC**. Đối với kẻ ưa thích cách nói bóng gió thì khoa học có thể ví như một ngôi sao lấp lánh chói sáng rực rỡ qua những vết nứt ở bờ mép của đám mây đen kịt. Nếu những kẻ hâm mộ khoa học không thể định nghĩa được cái lực hấp dẫn bí nhiệm vốn thu hút các hạt vật chất thành ra những khối cụ thể để tạo nên viên sỏi nhỏ nhất trên bãi biển thì làm sao họ có thể xác định được cái giới hạn của điều có thể dừng lại được và điều bắt đầu không thể được?

Tại sao lại có sức hút giữa các phân tử vật chất mà lại không có sức hút giữa các phân tử tinh thần? Nếu xuất phát từ phần vật chất của chất ether mà ta có thể triển khai ra hình tượng của thế giới cũng như các chủng loại thực vật và động vật do tính hiểu động cổ hữu của các vi hạt thì tại sao xuất phát từ phần tâm linh của chất ether ta lại không triển khai được các giống sinh linh liên tiếp từ giai đoạn chơn thần cho tới giai đoạn con người; mỗi hình tượng thấp hơn lại triển khai thành một hình tượng cao hơn cho đến khi công trình tiến hóa được hoàn tất trên trái đất ta để tạo ra chơn Nhơn bất tử? Ta ắt thấy rằng tạm thời ta đã hoàn toàn dẹp sang một bên những sự kiện tích lũy lại minh chứng cho trường hợp này để dành cho luận lý quyền phán quyết trọng tài.

^[1] Phát biểu này thì cả Herbert Spencer lẫn Huxley cũng không thể bác bỏ được. Nhưng Cha Felix dường như không nhạy cảm với việc chính mình đang mang ơn khoa học; nếu ông nói điều này vào tháng 2 năm 1.600 thì ông có thể đã chia xẻ sở phận của Bruno khổ khổ.

^[2] “Điều bí mật và Khoa học”; một buổi hội thảo của P. Felix de Notre Dame; des Mouseaux tác phẩm: “Các Hiện tượng của Pháp thuật Cao cấp”.

Các nhà vật lý có thể gọi nguyên thể cấp năng lượng cho vật chất bằng tên gọi nào thì cũng không quan trọng; đây là một điều gì đó tinh vi độc lập với bản thân vật chất và vì nó thoát khỏi sự dò tìm của họ cho nên nó phải là một điều gì đó ở bên ngoài vật chất. Nếu ta công nhận luật hấp dẫn chi phối đẳng này thì tại sao ta lại loại trừ nó không cho nó ảnh hưởng tới đẳng kia? Xin để cho khoa lý luận trả lời, chúng tôi xin quay sang kinh nghiệm thông thường của loài người và thấy trong đó có cả đồng bằng chứng bổ chứng cho tính bất tử của linh hồn nếu chúng ta chỉ phán đoán theo sự tương tự. Nhưng chúng ta còn có hơn thế nữa, chúng ta có bằng chứng không thể bác bỏ được của hết ngàn người này tới hàng người khác theo đó có một khoa học chính qui về linh hồn mà mặc dù giờ đây người ta đã chối bỏ không cho nó có quyền hiện diện trong đám khoa học, thì nó vẫn giữ địa vị của một khoa học. Khoa học này nhờ thâm nhập vào bí nhiệm của thiên nhiên sâu hơn mức triết học hiện tại mới tới được, dạy cho ta cách buộc điều *vô hình* phải trở thành hữu hình, dạy rằng có tồn tại các tinh linh ngũ hành, dạy về bản chất và đặc tính pháp thuật của ánh sáng tinh tú, dạy về quyền năng của những người đang sống mà vẫn giao tiếp được với các tinh linh ngũ hành thông qua ánh sáng tinh tú. Họ hãy xem xét những bằng chứng bằng ngọn đèn thực nghiệm thì cả Hàn lâm viện lẫn Giáo hội (mà Đức Cha Felix đã nói năng với đầy tính cách thuyết phục cho Giáo hội) đều không thể chối bỏ được.

Khoa học hiện đại đang tiến thoái lưỡng nan, nó phải chấp nhận giả thuyết của chúng tôi là chính xác hoặc phải công nhận có thể có phép lạ. Làm như thế thì chẳng khác nào bảo rằng có thể có sự vi phạm định luật thiên nhiên. Nếu chuyện này có thể xảy ra trong một trường hợp thì lấy gì bảo đảm cho chúng ta việc nó có thể lập lại mãi mãi và thế là làm sụp đổ cái tính cố định của định luật, cái sự thăng bằng toàn bích của các lực vốn khổng chế vũ trụ. Đây là một lập luận rất xưa cũ và không thể chối bỏ được. Chối bỏ sự xuất hiện giữa chúng ta, những thực thể siêu giác quan khi chúng đã được nhìn thấy trong nhiều dịp và trong nhiều xứ sở khác nhau bởi chẳng những hàng ngàn mà còn là hàng triệu người nữa thì đúng là ngoan cố không thể tha thứ được, trong bất kỳ trường hợp nào mà lại bảo rằng sự hiện hình ấy được tạo ra do phép lạ thì thật là một đòn chí tử cho nguyên lý nền tảng của khoa học. Họ biết làm gì bây giờ? Liệu họ có thể làm được gì khi họ mới bừng tỉnh dậy từ cơn mê đông cứng lòng kiêu hành để rồi thu lượm được các sự kiện và cố gắng mở rộng biên cương thuộc địa hạt khảo cứu của mình.

Thuyết duy vật chối bỏ sự tồn tại của tinh thần nơi chất trung gian thông thường là ether; trong khi thần học coi đó là một vị thần linh cá nhân, môn đồ kinh Kabala cho rằng cả hai đều sai và bảo rằng nơi chất ether các hành chi biểu diễn vật chất tức là các lực vũ trụ mù quáng của thiên nhiên; còn Tinh thần là trí thông minh điều động chúng. Học thuyết khởi nguyên vũ trụ của Hermes, Orpheux và Pythagore cũng như của Sanchoniathon và Berosus đều dựa trên một công thức không thể bác bỏ được đó là: chất ether và hỗn mang (hoặc nói theo kiểu Platon tâm trí và vật chất) là hai nguyên thể bản sơ và vĩnh hằng của vũ trụ hoàn toàn độc lập với bất cứ thứ nào khác. Chất ether là nguyên thể trí tuệ làm linh hoạt vạn vật; hỗn mang là một nguyên thể lưu động, vô hình, không có "hình tướng hoặc ý thức"; do sự hiệp nhất của hai nguyên thể này mà vũ trụ (hoặc đúng hơn là thế giới vũ trụ) này sinh ra, đẳng thiêng liêng đầu tiên thư hùng lưỡng tính có cơ thể là vật chất hỗn mang và có phần hồn là chất ether. Theo cách diễn tả của tác phẩm *Một Mảnh vụn của Hermes* thì do "hợp nhất với tinh thần cho nên hỗn mang mới có được *ý thức* sáng chói lên với sự khoái lạc và thế là ánh sáng (sinh ra đầu tiên) tức Protogonos được tạo ra"^[1]. Đây là bộ ba đại đồng vũ trụ dựa trên các quan niệm siêu hình của cổ nhân, khi lý luận bằng phép tương tự

[1] Damascius trong tác phẩm "Thần phổ" gọi nó là *Dis* tức "đấng an bài vạn vật". Cory tác phẩm: "Các Mảnh vụn Cổ truyền", trang 314.

cổ nhân biến con người (vốn là phức hợp thể của trí năng và vật chất) thành ra tiểu vũ trụ của đại thiên địa, tức vũ trụ lớn.

Giờ đây nếu ta đối chiếu học thuyết này với những suy đoán của khoa học, vốn dừng hẳn lại ở Biên cương của điều chưa ai biết và trong khi không thông thạo để giải quyết được điều bí nhiệm thì lại không ai cho phép ai khác suy đoán về đề tài này; hoặc là đối với giáo điều vĩ đại về thần học thì thế giới được này sinh ra do một trò ảo thuật trên cõi trời; chúng tôi không ngần ngại mà tin rằng nếu không có bằng chứng xác đáng hơn thì cho đến nay học thuyết của Hermes ắt hợp lý hơn mặc dù nó rất siêu hình. Vũ trụ vốn có ở đó và chúng ta biết rằng mình tồn tại; nhưng nó xuất hiện ra sao và chúng ta xuất hiện trong vũ trụ như thế nào? Bị những người đại diện cho học thuật vật thể từ chối trả lời, bị những kẻ tiếm đoạt tâm linh rút phép thông công và bài xích vì tội tò mò phạm thượng, chúng tôi còn biết làm gì nếu không quay sang tìm kiếm thông tin nơi những nhà hiền triết đã tham thiên về đề tài này hàng thời đại trước khi phân tử của các triết gia tụ tập lại trong khoảng không gian chất ether?

Họ bảo rằng vũ trụ hữu hình này của tinh thần và vật chất chẳng qua chỉ là hình ảnh cụ thể của sự trừu tượng lý tưởng; nó được xây dựng dựa trên mô hình về Ý NIỆM thiêng liêng đầu tiên. Như vậy là vũ trụ của ta tồn tại từ vô thủy ở một trạng thái tiềm tàng. Linh hồn làm linh hoạt vũ trụ thuần túy tâm linh này chính là mặt trời trung ương, bản thân đấng thiêng liêng cao cả nhất. Chẳng phải chính ông đã xây dựng hình thức cụ thể của ý niệm này mà đứa con cả của ông mới làm điều đó; và ý niệm được xây dựng dựa trên hình kỷ hà là khối 12 mặt ^[1], cho nên con cả "bằng lòng sử dụng tới mười hai ngàn năm trong cơ sáng tạo". Con số vừa nêu được biểu diễn trong khởi nguyên luận Tyrrhenia ^[2], nó cho thấy rằng con người được sáng tạo trong thiên niên kỷ thứ 6. Điều này phù hợp với thuyết 6.000 "năm" của Ai Cập ^[3] và phép tính toán của người Hebreux. Trong *Vũ trụ khởi nguyên luận* của mình, Sanchoniathon ^[4] tuyên bố rằng khi gió (tinh thần) đâm ra phải lòng các nguyên thể của chính mình (hỗn mang) thì một sự hiệp nhất mật thiết xảy ra, mối liên kết này được gọi là *pothos* và từ đó sinh ra mầm mống của tất cả. Và hỗn mang không biết tới tạo vật của chính mình vì nó vốn *vô ý thức*, nhưng do nó ôm choàng lấy gió mà *môt*, tức là *ilus* (bùn) mới được sản sinh ra ^[5]. Từ đó mới sinh ra các bào tử của cơ sáng tạo và sản sinh ra vũ trụ.

Cổ nhân vốn chỉ nêu tên có tứ đại đã biến hậu thiên khí (æther) thành hành thứ năm. Vì bản thể của hậu thiên khí trở nên thiêng liêng do sự hiện diện vô hình cho nên nó được coi là trung gian giữa thế giới này và thế giới tiếp theo. Họ cho rằng khi các đấng thông tuệ điều khiển triệt thoái ra khỏi bất kỳ bộ phận nào của chất ether, một trong bốn giới mà họ bắt buộc phải giám sát thì không gian bị bỏ mặc cho *điều ác* chiếm hữu. Một cao đồ sẵn sàng đàm đạo với "cõi vô hình" phải biết rõ nghi thức của mình và hoàn toàn quen thuộc với những điều kiện cần thiết cho sự thăng bằng toàn bích của tứ đại trong ánh sáng tinh tú. Trước hết, ngài phải tẩy trừ được bản thể và trong nội bộ vòng tròn mà ngài tìm cách thu hút các chơn linh thanh khiết, thì ngài phải làm quân bình được ngũ hành sao cho ngăn cản được các tinh linh ngũ hành không xâm nhập vào địa hạt của riêng mình. Nhưng khốn khổ thay cho kẻ điều tra bất cẩn không biết điều mà vượt qua vùng đất cấm; nguy hiểm sẽ bám sát y ở mỗi bước chân. Y triệu thỉnh các quyền năng mà y không kiểm soát được, y đánh thức những lính canh vốn chỉ cho chủ nhân của mình đi qua thôi. Đó là vì theo lời của môn đồ Hoa hồng Thập tự bất tử: "Một khi người đã quyết tâm hợp tác với tinh thần của Thượng

[1] Plato: "Timæus".

[2] Suidas: v Tyrrhenia".

[3] Bạn đọc ắt hiểu rằng "năm" ngụ ý là "thời đại" chứ không chỉ là thời kỳ gồm 12 tháng âm lịch.

[4] Xem bản dịch tiếng Hi Lạp của Philo Byblius.

[5] Cory: "'Các Mảnh vụn Cổ truyền".

Để *linh động* thì đừng mất công cản trở Ngài hoạt động; vì nếu nhiệt của mi vượt quá tỉ lệ tự nhiên mà mi sẽ kích động cơn giận dữ của các *bản chất moist* ^[1] thì chúng sẽ vùng lên chống lại *lửa trung tâm*, lửa trung tâm cũng chống lại chúng và thế là sẽ có một sự chia rẽ khủng khiếp nơi *hồn mang* ^[2]. Tinh thần hài hòa và hiệp nhất đã rời bỏ ngũ hành bị bàn tay bất cẩn làm xáo trộn và các dòng thần lực mù quáng ngay tức khắc sẽ bị ô nhiễm bởi vô số tạo vật mang đầy tính vật chất và bản năng – các tà thần của nhà thông thần, ma quỷ của thần học; thần đất, thần lửa, thần gió và thần nước sẽ tấn công nhà thao tác liễu lĩnh dưới đủ dạng tinh vi. Do không chế ra được điều gì cho nên chúng sẽ moi móc ký ức của bạn tới độ sâu thẳm nhất; vì thế cho nên một vài người nhạy cảm trong giới thần linh học mới bị kiệt quệ thần kinh và ám ảnh tâm trí. Các tinh linh ngũ hành sẽ đưa ra ánh sáng những hồi ức trong quá khứ đã bị quên từ lâu rồi; đó là những hình tượng, hình ảnh, những kỷ niệm êm đềm và những lời lẽ quen thuộc từ lâu rồi đã mờ nhạt đi trong trí nhớ của ta, nhưng lại được bảo tồn sống động nơi những độ sâu khôn dò của ký ức vì được ghi chép trên những bảng nhỏ tinh tú của quyển “SỔ BỘ ĐỜI” bất diệt.

Mọi sự vật có tổ chức trên đời này dù là hữu hình hay vô hình đều có một hành thích hợp với bản thân. Con cá sống và thở dưới nước; cái cây tiêu thụ axit carbonic vốn gây cho loài thú và loài người phải chết; một số sinh linh thích hợp với tầng khí quyển loãng còn một số sinh linh khác chỉ tồn tại nơi bầu khí quyển đậm đặc nhất. Đối với một số sinh linh, sự sống tùy thuộc vào ánh sáng mặt trời; đối với những sinh linh khác thì sự sống tùy thuộc vào bóng tối; và thế là cơ cấu tổ chức khôn ngoan của thiên nhiên làm cho một dạng sinh linh nào đó thích ứng với mỗi điều kiện tồn tại. Những điều tồn tại này bảo đảm cho kết luận chẳng những trong thiên nhiên vũ trụ không hề có nơi nào không bị chiếm chỗ mà còn là đối với mọi sinh linh thì chúng đều được cung cấp những tình huống đặc biệt và được cung cấp những gì cần thiết. Thế mà ta giả sử rằng vũ trụ có một khía cạnh vô hình thì thói quen cố định của thiên nhiên ắt bảo đảm cho kết luận một nửa vô hình này cũng bị chiếm chỗ giống như một nửa hữu hình và mỗi cư dân chiếm chỗ trong đó đều được cung ứng điều kiện cần thiết để tồn tại. Thật là phi lý khi tưởng tượng rằng các tình huống giống hệt nhau lại được cung ứng cho mọi sinh linh, giống như việc khẳng định một thuyết như thế liên quan tới các cư dân trong phạm vi hữu hình của thiên nhiên. Việc có tồn tại các chơn linh hàm ý là có đủ loại tinh linh vì con người ta vốn cũng khác nhau và các vong linh con người chẳng qua chỉ là những người đã thoát xác.

Bảo rằng mọi chơn linh đều giống nhau, đều thích hợp với cùng một bầu khí quyển, hoặc có cùng một quyền năng hoặc bị chi phối bởi cùng một sức hút (bất kể đó là của điện, từ, của chất od hay chất tinh tú) thì cũng phi lý dường như thế người ta ắt bảo rằng mọi hành tinh đều có cùng một bản chất hoặc mọi con thú đều có tính lưỡng

[1] Chúng tôi trình bày cách phát âm và từ ngữ của môn đồ kinh Kabala này, ông đã sống và ăn hành tác phẩm của mình vào thế kỷ 17. Nói chung thì người ta coi ông là một trong những nhà luyện kim đan nổi tiếng nhất trong số các triết gia phái Hermes.

[2] Những người tích cực nhất trong các triết gia duy vật đều đồng ý rằng mọi thứ hiện hữu đều thoát thai từ chất ether; vì thế cho nên đất, nước, gió, lửa; tứ đại đều thoát thai từ chất ether và hồn mang nghĩa là *Lưỡng nguyên* bản sơ; mọi điều đều không cân, đong, đo, đếm được cho dù giờ đây ta đã biết hoặc chưa biết đều bắt nguồn cũng từ gốc ấy. Thế mà trong vật chất có một bản thể tâm linh và bản thể ấy bắt buộc nó phải được hình thành ra hàng triệu hình tượng cá thể thì tại sao lại phi lý khi quả quyết rằng mỗi một của những giới tâm linh này trong thiên nhiên đều chứa đầy những sinh linh tiến hóa ra từ vật liệu của chính nó? Hóa học dạy cho ta biết rằng trong cơ thể con người có gió, nước, đất và nhiệt tức lửa – *gió* có mặt trong những thành phần cấu tạo nên nó, *nước* có trong những dịch tiết ra, *đất* có trong các thành tố vô cơ; còn *lửa* ở nơi nhiệt động vật. Do kinh nghiệm môn đồ kinh Kabala biết rằng một tinh linh ngũ hành chỉ chứa mỗi một và mỗi một thuộc bốn giới thiên nhiên ấy cũng chỉ có tinh linh ngũ hành đặc thù của riêng mình; vì con người cao hơn các tinh linh ngũ hành cho nên định luật tiến hóa được minh họa nơi sự tổ hợp của cả bốn tinh linh ngũ hành.

thê hoặc mọi người đều có thể nuôi dưỡng bằng cùng một loại thực phẩm. Thật là hợp lý khi giả định rằng những bản chất thô trước nhất trong các tinh linh sẽ chìm xuống đáy sâu thấp nhất của bầu hào quang tâm linh – nói cách khác là ở gần trần thế nhất. Ngược lại các tinh linh thanh khiết nhất ắt ở xa nhất. Nơi điều mà ta gọi là *Tâm động học* trong Huyền bí học (tạm chế ra một thuật ngữ như thế) cũng thật là vô căn cứ khi giả định rằng các cấp tinh linh này có thể chiếm vị trí hoặc tồn tại trong tình huống của cấp tinh linh khác, cũng chẳng khác nào trong thủy lực học, người ta trông mong rằng hai chất lỏng với tỉ trọng khác nhau lại có thể trao đổi vạch khắc của mình trên thang thủy kế Beume.

Khi mô tả một cuộc đàm đạo của mình với một số người Ấn độ ở bờ biển Malabar, Görres có tường trình rằng khi ông hỏi những người ấy liệu ma có lẫn lẫn nơi chỗ họ chẳng thì họ trả lời rằng: “Có đấy, nhưng chúng tôi biết ma chỉ là *tà thần* . . . phúc thần hầu như chẳng bao giờ xuất hiện. Ma chủ yếu là vong linh của *người tự tử và kẻ sát nhân* hoặc những người chết bất đắc kỳ tử. Chúng thường bay lượn và hiện ra thành bóng ma. Thời khoảng ban đêm rất thích hợp với chúng, chúng quẩn rũ kẻ yếu bóng vía và cám dỗ những người khác bằng cả ngàn cách khác nhau”^[1].

Porphyry trình bày với ta một số sự kiện gớm ghiếc mà sự thật được bổ chứng qua kinh nghiệm của mọi học viên pháp thuật. Ông bảo rằng^[2]: “Ngay cả sau khi chết, phần *hồn* vẫn có một sự luyện ái nào đó đối với thể xác, ái lực này tỉ lệ với sự thô bạo khi chúng bị chia lìa không hợp nhất nữa; ta thấy có nhiều vong linh lớn vờn tuyệt vọng xung quanh di thể xác phàm; thậm chí chúng tôi thấy các vong linh hăm hở tìm kiếm những di hài đã thối rữa của các xác chết khác nhưng nhất là việc đổ máu thêm nữa, điều này nhất thời cung cấp cho chúng một số quan năng sinh hoạt”^[3].

Mong sao những nhà thần linh học nghi ngờ nhà thông thần hãy thử tác dụng của chũng nửa cân Anh máu người vừa được rút ra trong buổi lên đồng hiện hình sắp tới!

Iamblichus có nói: “Chư thiên và các thiên thần hiện ra với ta trong sự bình yên và hài hòa; các *tà thần* mà hiện ra thì chỉ làm xáo trộn mọi chuyện . . . Về phần *các vong hồn bình thường* thì chúng tôi hiếm thấy chúng hơn v.v. . .”^[4].

Apuleius có nói: “Hồn người (thể tinh vi) là một thần ma quỷ (a tu la) mà ngôn ngữ của ta có thể gọi là thần hộ mệnh. Đó là một vị thần *bất tử* mặc dù theo một ý nghĩa nào đó, nó sinh ra cùng lúc với con người mà nó ngự trong đó. Vì vậy ta có thể nói rằng nó cũng chết đi cùng lúc với y giống như khi nó được sinh ra”.

“Phần hồn sinh ra trong thế giới này khi nó rời bỏ một *thế giới khác* (hồn thế giới), nó tồn tại trong thế giới ấy trước thế giới mà chúng ta đều biết (trên trần thế). Như vậy chư thần linh xem xét diễn tiến của nó qua mọi giai đoạn với đủ kiếp tồn tại xét chung, đôi khi trừng phạt nó vì những tội lỗi phạm phải trong kiếp trước. Nó chết khi nó tách ra khỏi cái xác mà nó mượn để băng qua cuộc đời này giống như đi trên một cái thuyền mỏng manh. Nếu tôi không lầm thì đây chính là mật nghĩa của lời ghi khắc trên mộ phần rất đơn giản với điểm đạo đồ: “*Xin dành cho các vong hồn chư thần linh đã từng sống*”. Nhưng cái loại chết này không tiêu diệt phần hồn mà chỉ biến nó thành ra một *lemure*. Lemure là các vong hồn hoặc hồn ma mà ta biết với tên gọi là lares. Khi chúng tránh và *bảo bọc chúng ta với đầy hảo ý* thì chúng ta tôn vinh chúng là các thần linh che chở cho mái ấm gia đình; nhưng chúng phạm tội ác bị kết án lưu đày thì chúng ta gọi là *ấu trùng*. Chúng trở thành cơn dịch bệnh cho kẻ ác độc và *nổi khùng khiếp hư ảo* cho kẻ thiện lương”.

[1] Görres, tác phẩm “Thần bí gia”, quyển iii, trang 63.

[2] Cổ nhân gọi “vong hồn” là vong linh của những người xấu; vong hồn đó là *ấu trùng* và *lemure*. Chơn linh của những người tốt trở thành chư thiên.

[3] Porphyry, tác phẩm “Bản về sự Hiển tế”. Chương bàn về tục thờ cúng chân chính.

[4] “Các Bí pháp của người Ai Cập”.

Lời lẽ nêu trên khó lòng mà có thể gọi là mơ hồ. Thế nhưng các nhà Luân hồi học lại trích dẫn Apuleius để bổ chứng cho thuyết của mình, theo đó con người trải qua một loạt liên tiếp sinh ra làm người trên cõi trần của hành tinh này cho đến khi cuối cùng y được tẩy trừ khỏi những cận bã trong bản thể. Nhưng Apuleius nói rõ rằng chúng ta đến với trái đất này từ một cõi khác, nơi mà chúng ta đã tồn tại, thì ký ức của ta đã bị xóa nhòa đi rồi. Cũng như cái đồng hồ chuyển từ tay này sang tay khác, từ phòng này sang phòng khác trong một xưởng máy, một bộ phận được thêm vào chỗ này và một bộ phận khác được thêm vào chỗ kia cho tới khi guồng máy tinh vi đã hoàn chỉnh đúng như bản thiết kế được quan niệm ra trong trí của người chủ trước khi công trình bắt đầu, cũng vậy theo triết học cổ truyền, sự thụ thai thiêng liêng đầu tiên của con người thành hình từ từ trong nhiều phân xưởng của xưởng máy vũ trụ, để rồi con người hoàn chỉnh cuối cùng mới xuất hiện trên diễn trường.

Triết lý này dạy rằng thiên nhiên không bao giờ bỏ mặc dở dang công trình của mình, nếu lần đầu toan tính làm mà bị cản trở thì nó sẽ thử cố gắng làm lại. Khi nó triển khai ra một phôi thai người thì ý đồ là con người sẽ được hoàn hảo về mặt thể chất, trí thức và tâm linh. Cơ thể nó phải trưởng thành, mòn mỏi đi rồi chết; tâm trí nó phải phát triển, chín muồi và thăng bằng hài hòa; tinh thần thiêng liêng của nó phải chói sáng và dễ dàng hòa lẫn với *Chơn như*. Không người nào hoàn tất được chu kỳ lớn, tức "vòng thiết yếu" của mình nếu chưa hoàn thành được điều này. Cũng như kẻ lười biếng trong một cuộc tranh đấu, nhân loại vẫn lê bước ở quãng đầu tiên trong khi kẻ chiến thắng đã lao vút qua khỏi mục tiêu; cũng vậy, trong dòng đời bất tử, một số linh hồn đã bước vượt lên mọi linh hồn khác để đạt tới cứu cánh trong khi vô số kẻ đua tranh vẫn còn vất vả dưới gánh nặng vật chất loanh quanh gần mức khởi điểm. Một số kẻ không may bị bỏ rơi lại hoàn toàn và mất mọi cơ may được tưởng thưởng; một số bước đi trở lại rồi bắt đầu trở lại. Đây là điều mà người Ấn Độ sợ hơn hết mọi chuyện: *sự chuyển kiếp và đầu thai luân hồi*; chỉ có điều ở những hành tinh khác thấp kém hơn chứ chẳng bao giờ ở trên hành tinh này. Nhưng có một cách để tránh được điều đó và Đức Phật đã dạy dỗ qua giáo lý về sự sống nghèo, kiểm chế các giác quan, hoàn toàn thờ ơ với những sự vật trong cái thung lũng trần thế đầy nước mắt này, thoát khỏi mọi đam mê và thường xuyên liên giao với Atma, tức là chiêm nghiệm phần hồn. Nguyên nhân của sự luân hồi là sự vô minh của các giác quan và ý tưởng cho rằng trên đời này có bất cứ thực tại nào, có một điều gì đó khác với sự tồn tại trừu tượng. Do có giác quan ta mới có ảo giác gọi là "xúc", do xúc mới có "ái", do ái mới có "thọ" (vốn cũng là sự lừa gạt của cơ thể), do thọ mới có "hữu" (bám víu lấy những vật thể đang tồn tại), do hữu và thủ mới có "sinh", do sinh mới có bệnh, lão và tử".

Như vậy, giống như vòng quay của một bánh xe, ta có việc sống chết cứ đều đặn nối tiếp nhau mà nguyên nhân tinh thần là do bám víu lấy những sự vật đang tồn tại (thủ) trong khi đó nguyên nhân về công cụ chính là *nghiệp báo* (quyền năng kiểm soát vũ trụ, thôi thúc nó hoạt động), phước và tội. "Vì vậy ham muốn lớn lao của mỗi người là phải thoát khỏi những phiền não do việc cứ liên tiếp sinh ra, phải tìm cách diệt được nguyên nhân tinh thần tức là bám víu lấy những sự vật đang tồn tại vốn là một tà dục". Những ai đã hoàn toàn diệt được tà dục thì được gọi là *La Hán* ^[1]. Có thoát khỏi tà dục thì bảo đảm mới có được quyền năng *phép lạ* thần thông. Khi lâm chung, La Hán chẳng bao giờ còn luân hồi nữa; ngài dứt khoát đã nhập Niết Bàn – nhân tiện xin nói đây là một từ ngữ mà các học giả Ki Tô giáo và các nhà bình luận đa nghi đã thuyết giải sai lạc. Niết Bàn là thể giới *nguyên nhân* trong đó mọi hậu quả hão huyền hoặc mọi ảo tưởng của giác quan đều biến mất. Niết Bàn là cõi cao nhất mà ta có thể đạt được. Triết gia Phật giáo coi như các *pitris* (các chơn linh tiền Adam) *đang luân hồi*, mặc dù ở mức độ cao hơn hẳn so với trình độ con người trên trần thế. Đến lượt họ, phải chăng họ không chết? Chẳng lẽ các thể tinh vi của họ cũng đau khổ và

[1] "Chế độ tu Đông phương", trang 9.

hân hoan, cảm thấy cùng một sự nguyện rửa của những cảm xúc hảo huyền giống như khi đang nhập thể hay sao?

Điều mà Đức Phật dạy ở Ấn Độ vào thế kỷ thứ 6 trước Công nguyên thì Pythagore đã dạy ở thế kỷ thứ 5 nơi Hi Lạp và nước Ý. Gibbon cho thấy những người giả hình Pharisai đã chịu ấn tượng sâu sắc xiết bao khi tin vào sự chuyển kiếp của linh hồn ^[1]. Vòng thiết yếu của người Ai Cập đã ghi dấu không xóa nhòa được trên những dinh thự xa xăm thời xưa. Và Chúa Giê su khi chữa trị cho kẻ đau ốm luôn luôn dùng cách diễn tả sau đây: "Tội lỗi của các con đã được tha thứ". Đây là một giáo lý thuần túy Phật giáo. "Người Do Thái giáo bảo kẻ mù rằng: người *hoàn toàn sinh ra trong tội lỗi* và liệu người dạy được cho chúng ta điều gì? Giáo lý của các môn đồ Chúa Ki Tô cũng tương tự như 'Phước và Tội' của Phật tử; vì kẻ đau ốm bình phục *nếu tội lỗi của họ được tha thứ*" ^[2]. Nhưng Phật tử lại tin vào *kiếp trước*, không phải là kiếp sống trên hành tinh này vì hơn bất kỳ người nào khác, triết gia Phật giáo đánh giá cao giáo lý vĩ đại về các chu kỳ.

Những suy đoán của Dupuis, Volney và Godfrey Higgins bàn về ý nghĩa bí mật của các chu kỳ tức là *các kiếp* và yuga của người Bà la môn và Phật tử cũng chẳng đi đến đâu vì họ không có được bí quyết về giáo lý tâm linh bí truyền chứa đựng trong đó. Không một triết lý nào đã từng suy đoán Thượng Đế là một *điều trừu tượng* mà xem xét Ngài với nhiều biểu lộ khác nhau. "Nguyên nhân Bản sơ" trong Thánh kinh của người Hebreux, "Đơn nguyên Chơn thần" của Pythagore, "Thực tại Nhất như" của triết gia Ấn giáo và "En Soph" – đấng *Vô biên* – của kinh Kabala đều đồng nhất với nhau. Bhavagant của người Ấn giáo không hề sáng tạo; ngài nhập vào quả trứng thế giới và phân thân ra từ đó thành Brahma, cũng giống như Lưỡng nghi của Pythagore triển khai ra từ Thái cực đơn nguyên cao siêu nhất (Monas) ^[3]. Thái cực đơn nguyên (Monas) của vị triết gia ở Samos chính là Chơn thần (trí tuệ) của người Ấn giáo "vốn không có nguyên nhân bản sơ (apūrva tức nguyên nhân vật chất) cũng không thể bị tiêu diệt" ^[4]. Trên cương vị là Prajāpati, Brahma biểu lộ trước hết thành ra "mười hai

^[1] "Sự Suy vi và Diệt vong của Đế quốc La Mã", iv. 385.

^[2] Hardy, tác phẩm "Cẩm nang Phật giáo"; Dunlap, tác phẩm "Các Tôn giáo trên Thế giới".

^[3] Lemprière ("Từ điển Kinh điển", mục từ "Pythagore") có nói rằng: "Có nhiều lý do để nghi ngờ sự thật trong toàn bộ chuyện kể về cuộc hành hương của Pythagore xâm nhập Ấn Độ"; nó kết luận bằng cách bảo rằng triết gia này chưa bao giờ gặp môn đồ phái Lỏa thể hoặc viếng thăm xứ sở của họ. Nếu quả thật như thế thì làm sao giải thích được học thuyết đầu thai của Pythagore mà xét về chi tiết thì nghiêng hẳn về phía Ấn Độ hơn là phía Ai Cập? Nhưng nhất là làm sao giải thích được sự kiện danh xưng MONAS được ông áp dụng cho Nguyên nhân Bản sơ lại đồng nhất với hồng danh được dành cho Đấng Tự Tại trong tiếng Bắc phạt? Vào năm 1792-1797, khi "từ điển" của Lemprière xuất hiện thì chúng ta có thể nói rằng người ta hoàn toàn không biết tiếng Bắc phạt; bản dịch tác phẩm "Aitareya Brahmana" (trong bộ Rig Veda) của Tiến sĩ Haug – thuật ngữ này có trong bản dịch ấy – chỉ được xuất bản cách đây chừng *hai mươi* năm và cho tới khi đã hoàn tất việc thêm thắt đầy giá trị vào cho những tài liệu của thời đại cổ sơ và chừng nào mà tuổi chính xác của "Aitareya" – nay được Haug ấn định là từ năm 2000 tới 2400 trước Công nguyên – vẫn còn là một điều bí mật, thì ta có thể gợi ý giống như trong trường hợp các biểu tượng Ki Tô giáo rằng người Ấn Độ *vay mượn* của Pythagore. Nhưng giờ đây trừ phi ngôn ngữ học có thể chứng tỏ được đó là một "sự trùng hợp ngẫu nhiên" và từ ngữ *Monas* không giống hết theo những định nghĩa tỉ mỉ nhất thì chúng ta có quyền khẳng định rằng Pythagore đã ở Ấn Độ và chính các môn đồ phái Lỏa thể đã dạy cho ông về thần học siêu hình. Chỉ nội sự kiện "tiếng Bắc phạt là bà chị cả so với tiếng Hi Lạp và tiếng La Tinh" (theo như Max Müller cho thấy) cũng không đủ để giải thích cho việc các từ Bắc phạt và Hi Lạp hoàn toàn giống như dưới dạng MONAS theo nghĩa bí hiểm siêu hình nhất. Từ Bắc phạt Devas (chư thiên) đã trở thành tiếng La Tinh *dues* và vạch ra một cội nguồn chung; nhưng chúng ta thấy trong kinh "Zend Avesta" của Bái Hỏa giáo cũng có từ ngữ ấy với nghĩa ngược hẳn lại và trở thành *daēva* tức tà thần, do đó mới phái sinh ra thuật ngữ *devil* (ma quỷ).

^[4] Haug: "Aitareya Brahmana".

thể” tức mười hai thuộc tính vốn được biểu diễn thành mười hai thần linh được tượng trưng là: 1- Lửa; 2- Mặt trời; 3- Soma vốn mang lại sự toàn tri; 4- mọi Sinh linh; 5- Vayu tức Ether vật chất; 6- sự Chết tức thần khí hủy diệt, tức Shiva; 7- Đất; 8- Trời; 9- Agni (Lửa phi vật chất); 10- Aditya, Mặt trời vô hình thư tính và phi vật chất; 11- Tâm trí; 12- Chu kỳ vô cực lớn không thể bị chặn đứng lại được”^[1]. Sau đó Brahma tan biến ra thành Vũ trụ Hữu hình, mọi nguyên tử của vũ trụ đều là bản thân ngài. Khi điều này được thực hiện thì Chơn thần vô định, vô hiện và không thể phân chia được triệt thoái vào trong đơn nguyên tịch lặng, không xáo trộn và uy nghi của mình. Đấng thiêng liêng biểu lộ thoát đầu là lưỡng nghi nay trở thành một bộ ba; phẩm tính ba ngôi của nó không ngừng phân thân ra các quyền năng tâm linh, các quyền năng này trở thành chư thần linh bất tử (linh hồn). Đến lượt mỗi một linh hồn này phải được hiệp nhất với một con người và từ lúc có ý thức thì nó bắt đầu một loạt chuỗi sinh tử. Một họa sĩ Đông phương đã thử toan tính diễn tả bằng tranh vẽ giáo lý trong kinh Kabala về các chu kỳ. Bức tranh này trùm khắp trọn cả một bức tường bên trong một đền thờ dưới đất ở gần một chùa lớn của Phật giáo và có tính cách gợi ý nổi bật. Ta hãy thử ra sức truyền thụ một ý niệm nào đó về bảng thiết kế mà theo như chúng tôi nhớ được.

Tưởng tượng rằng có một điểm cho sẵn trong không gian là đấng nguyên thủy; thế rồi ta dùng compass để vẽ một vòng tròn xung quanh điểm này; nơi thủy và chung hiệp nhất với nhau thì phân thân và sự tái hấp thụ lại gặp nhau. Bản thân vòng tròn bao gồm vô số những vòng tròn nhỏ hơn giống như những chiếc vòng trong một vòng đeo tay và mỗi một chiếc vòng thứ yếu này lại tạo thành đai lưng của nữ thần biểu diễn cõi ấy. Khi đường cong của cung tới gần điểm tối hậu trên nửa vòng tròn – thiên đế của chu kỳ lớn – nơi mà một vị họa sĩ thần bí đặt hành tinh ta vào đó, thì bộ mặt của vị nữ thần kể tiếp lại trở nên tối đen hơn và xấu xí hơn óc tưởng tượng của người Âu Tây có thể quan niệm được. Mọi đai lưng đều được che phủ bằng cách biểu diễn của cây cỏ, thú vật và con người, thuộc về hệ thực vật, hệ động vật, và hệ nhân loại của cõi đặc biệt ấy. Người ta cố ý đánh dấu một khoảng cách nào giữa mỗi một trong các cõi, vì sau khi hoàn tất các vòng xoay qua đủ thứ sự chuyển kiếp, linh hồn được phép có một thời kỳ Niết Bàn tạm trong khoảng thời gian ấy, Atma quên hết mọi phiền não trong quá khứ. Khoảng không gian tinh anh trung gian ấy có đầy những sinh linh kỳ lạ. Vùng không gian giữa cõi ether cao nhất và cõi trần bên dưới có những tạo vật với “bản chất trung gian”, đó là các tinh linh thiên nhiên hoặc theo như môn đồ kinh Kabala đôi khi gọi nó là tinh linh ngũ hành.

Bức tranh này hoặc là bản sao của bức tranh do Berosus (tu sĩ ở đền thờ Belus ở Babylon) mô tả cho hậu thế hoặc là nguyên bản. Chúng tôi xin dành cho nhà khảo cổ học hiện đại dùng trí xảo của mình để quyết định. Nhưng bức tường có phủ đầy chính những tạo vật được mô tả là bán thần hoặc nửa thần linh, Oannes, người cá của dân Chaldea^[2]. . . “Những sinh linh góm ghiết được tạo ra từ nguyên thể lưỡng phân” – ánh sáng tinh tú và vật chất thô trược hơn.

Ngay cả những di tích thuộc các di chỉ kiến trúc của các giống dân xa xưa nhất mãi cho tới nay vẫn bị các nhà khảo cổ lơ là một cách đáng buồn. Những hang động ở Ajunta, chỉ cách Bombay khoảng 200 dặm, trong rặng núi Chandor và các di tích của thành phố cổ Aurungabad, những dinh thự bị sụp đổ và những ngôi mộ kỳ lạ của nó đã bị hoang phế tịch liêu trong nhiều thế kỷ thì chỉ rất gần đây mới thu hút được sự chú ý. Vốn là những kỳ vật của một nền văn minh đã qua từ lâu rồi, chúng được phép trở thành chỗ trú cho những con thú hoang trong những thời đại, trước khi chúng tỏ ra đáng được khoa học thám hiểm; và chỉ mới gần đây thì tờ báo *Quan sát viên* mới mô

[1] Như trên.

[2] Berosus: mảnh vụn do Alex. Polyhostor bảo toàn được; Cory: tác phẩm “Bàn về Vũ trụ khởi nguyên luận và trận Hồng thủy”.

tả nhiệt tình về những tổ tiên cổ sơ này của Herculaneum và Pompeii. Sau khi đã chê trách thật đúng mức chính quyền địa phương vì chỉ “cung ứng một nhà công quán nơi mà khách lữ hành có thể tìm được chỗ trú và chỗ an toàn, nhưng chỉ có thể mà thôi”, tờ báo tiếp tục tường trình những kỳ quan mà người ta thấy ở nơi ẩn cư này qua những lời lẽ sau đây:

“Trong một vực sâu cách xa ngọn núi có một nhóm đền thờ trong hang động vốn là những hang động kỳ diệu nhất trên trái đất. Hiện nay ta không biết có bao nhiêu hang động trong các góc ngách sâu thẳm của rặng núi; nhưng người ta đã thám hiểm, khảo sát và dọn rác trong một chừng mực nào đó đối với 27 hang mộ. Chắc chắn là còn nhiều hang động khác. Thật khó lòng mà nhận ra được hai hang động kỳ diệu này đã làm người ta tốn biết bao nhiêu công lao không mệt mỏi để đào đèo nó từ khối đá rắn chắc giống như hạt hạnh nhân. Nghe nói chúng hoàn toàn có nguồn gốc Phật giáo và được dùng cho mục đích thờ phụng và tu khổ hạnh. Chúng được xếp hạng rất cao trên cương vị là các tác phẩm nghệ thuật. Chúng trải dài ra hơn 500 bộ dọc theo vách đá cao và được khắc đẽo một cách kỳ diệu nhất, phô bày ở một mức độ màu nhiệm nhất, thị hiếu, tài năng và sự khéo léo kiên trì của các nhà điêu khắc Ấn Độ.

“Các đền thờ hang động này được đẽo gọt tuyệt mỹ ở phía ngoài, nhưng phía bên trong chúng được hoàn tất một cách tinh xảo nhất và được trang trí bằng rất nhiều tác phẩm điêu khắc và hội họa. Những đền thờ bị bỏ hoang từ lâu rồi phải chịu ẩm thấp và bị lờ là; những bức tranh và bức vẽ trên tường không được bằng cách đây mấy trăm năm. Nhưng màu sắc vẫn còn tươi sáng, phong cảnh vẫn còn vui vẻ mang tính hội hè và vẫn còn sờ sờ ra trên những bức tường. Một số những bức hình khắc vào trong đá được cho là những đám cưới và phong cảnh sinh hoạt gia đình vốn được biểu diễn rất vui tươi. Hình phụ nữ mỹ miều, thanh lịch và xinh đẹp như người Âu Tây. Mỗi một trong những biểu diễn này đều mang tính nghệ thuật và tất cả đều không bị ô uế do bất kỳ sự thô tục hoặc tục tĩu nào mà người ta thường thấy nổi bật trong những biểu diễn của người Bà la môn giáo có tính cách tương tự.

“Một số lớn các nhà khảo cổ đã viếng thăm những hang động này, họ đang cố gắng giải mã những chữ tượng hình được khắc trên những bức vách để xác định niên đại của những đền thờ kỳ diệu này.

“Di tích của thành phố cổ Aurungabad không cách xa những hang động này là bao. Đó là một thành phố rất nổi tiếng có thành lũy bao quanh nhưng giờ đây đã bị bỏ hoang. Chẳng những có những bức thành bị sụp đổ mà còn có những dinh thự bị chôn vùi. Chúng được xây dựng với sức mạnh bao la và một số bức tường thành có vẻ rắn chắc như những ngọn đồi tồn tại mãi.

“Có rất nhiều nơi ở xung quanh đây vốn có các di tích của Ấn Độ giáo, bao gồm những hang động sâu và những đền thờ khoét vào đá. Nhiều đền thờ này được bao quanh bằng một hàng rào tròn mà người ta thường trang điểm bằng các pho tượng và cột đỡ. Rất thường có hình một con voi đặt ở phía trước hoặc bên cạnh lối đi vào một đền thờ được coi như một loại lính canh. Hàng trăm hàng ngàn ổ tạc tượng được khắc đẽo đẹp đẽ trong khối đá rắn chắc và khi những đền thờ này chật ních tín đồ thì mỗi ổ đặt tượng lại có một pho tượng hoặc ảnh tượng thường theo phong cách hoa mỹ của tác phẩm điêu khắc Đông phương. Sự thật đáng buồn là hầu hết mọi ảnh tượng ở đây đều bị bẻ đầu, bẻ tay chân một cách đáng xấu hổ. Người ta thường bảo rằng không một tín đồ Ấn giáo nào chịu cúi lạy một ảnh tượng bất toàn; tín đồ Hồi giáo biết như thế cho nên mới cố tình bẻ tay chân của mọi ảnh tượng này để ngăn cho tín đồ Ấn giáo không thờ phụng chúng. Tín đồ Ấn giáo coi điều này là báng bổ và phạm thượng, khơi dậy lòng hiềm thù sâu sắc nhất mà mọi tín đồ Ấn giáo đều thừa kế của cha ông và hàng thế kỷ cũng không xóa nhòa được.

“Ở đây cũng có di tích của những thành phố bị chôn vùi – những di chỉ đáng buồn – thường thường thì chẳng có một người dân nào. Ở những dinh thự lớn nơi

hoàng gia từng một lần tụ tập cử hành lễ hội, những con thú hoang tìm được chỗ nương thân của mình. Ở nhiều chỗ người ta đã xây dựng đường rầy xe lửa bên trên hoặc băng ngang qua những di tích này, người ta dùng vật liệu đó để làm nền đường. . . Những tảng đá khổng lồ vẫn còn ở nguyên chỗ trong hàng ngàn năm và có lẽ vẫn cứ thế trong hàng ngàn năm sắp tới. Những đền thờ đèo trong đá này cũng như các pho tượng bị bẻ tay chân cho thấy một trình độ nghệ nhân mà không một tác phẩm nào của người bản xứ hiện nay có thể sánh kịp ^[1]. Hiển nhiên là hàng trăm năm trước đây, có một số đông người đã sống ở những đồi này, giờ đây nó hoàn toàn hoang vắng tịch liêu không có người ở hay không ai trồng trọt và bị phó mặc cho thú hoang.

Đây là vùng đất rất tốt cho việc săn bắn và vì người Anh rất thích săn bắn cho nên có lẽ họ để cho vùng núi non này và di tích này vẫn cứ nguyên vẹn.

Chúng tôi nhiệt tình hi vọng rằng họ sẽ như thế. Trong những thời đại trước kia, người ta đã thực hiện đủ mọi việc phá hoại công trình mỹ thuật khiến cho chúng tôi hi vọng rằng ít ra trong thế kỷ thám hiểm và tìm hiểu này, khoa học với các ngành khảo cổ học và ngôn ngữ học ắt không chịu bị tước mất những tài liệu ghi chép quý giá nhất được khắc họa trên những tấm bảng nhỏ bất hoại bằng đá hoa cương và khối đá cứng.

Bây giờ chúng tôi xin trình bày một vài đoạn về thuyết bí hiểm tái sinh - phân biệt với sự đầu thai - mà chúng tôi có được từ một vị có thẩm quyền. Tái sinh nghĩa là việc cùng một cá thể (hoặc đúng ra là anh hồn của y) xuất hiện hai lần trên cùng một hành tinh, điều này không phải là thông lệ trong thiên nhiên mà là ngoại lệ giống như hiện tượng quái thai của một đứa trẻ có hai đầu. Trước đó phải có một sự vi phạm các định luật hài hòa của thiên nhiên và nó chỉ xảy ra khi thiên nhiên tìm cách phục hồi lại sự thăng bằng bị xáo trộn của mình, thô bạo quăng anh hồn trở lại cuộc sống trên trần thế, nó đã bị tội ác hoặc tai nạn hất ra khỏi vòng thiết yếu. Như vậy là trong trường hợp sẩy thai, trẻ con chết yếu trước một tuổi nào đó, đần độn bẩm sinh không chữa được thì bằng thiết kế nguyên thủy của thiên nhiên nhằm tạo ra một con người hoàn chỉnh đã bị dở dang. Vì vậy trong khi vật chất thô trược của mỗi một trong nhiều thực thể này phải chịu số phận bị rải rác vào lúc chết vương vãi khắp cõi rộng mênh mông, thì tinh thần bất tử và anh hồn cá thể - anh hồn đã được tách riêng ra để làm linh hoạt một bộ khung, còn tinh thần bất tử đã chiếu soi ánh sáng thiêng liêng cho tổ chức cơ chế - phải cố gắng một lần thứ hai để thi hành mục đích của trí thông minh sáng tạo.

Nếu cho đến nay lý trí đã được phát triển để trở nên hoạt động và biết phân biệt thì trên trần thế ắt không còn sự tái sinh nữa vì ba bộ phận của con người, ba ngôi đã hiệp nhất với nhau và y có thể lãnh đạo loài người. Nhưng khi sinh linh mới chưa vượt qua mức tình huống là một anh hồn hoặc khi với vai trò là kẻ dẫn độn, ba ngôi còn chưa được hoàn chỉnh thì điểm linh quang bất tử vốn soi sáng cho nó phải nhập trở lại cõi trần khi nó chưa hoàn thành toan tính đầu tiên. Bằng không thì hồn hữu hoại tức anh hồn và hồn bất tử, tức linh hồn không thể tiến bộ song hành với nhau để chuyển lên cõi cao hơn. Tinh thần sẽ đi theo đường lối song song với vật chất và sự tiến hóa tâm linh phải sát cánh với sự tiến hóa thể chất. Cũng giống như trong trường hợp Giáo sư Le Conte nêu gương (Xem Chương IX) "không có lực nào trong thiên nhiên" và thông lệ được áp dụng cho cuộc tiến hóa tâm linh cũng như cuộc tiến hóa vật thể; "nó có thể nâng tức khắc tinh thần hoặc vật chất từ Số 1 lên tới Số 3, hoặc từ Số 2 lên tới Số 4 mà không dừng lại và nhận được sự gia trị thêm lực thuộc một loại khác trên một cõi *trung gian*." Điều này có nghĩa là Chơn thần vốn bị giam hãm nơi thực thể ngũ hành - hình tướng tinh anh thấp nhất hoặc sơ cấp của con người tương lai - sau khi

[1] Một tác giả nào đó đã dùng cách diễn tả ca tụng nhất để miêu tả sự hoành tráng của những dinh thự cổ sơ Ấn Độ cùng công trình điêu khắc tinh xảo tuyệt vời của chúng. Ông ta bảo rằng: "Họ xây dựng giống như những kẻ khổng lồ và hoàn tất công trình giống như những thợ kim hoàn"

trái qua và rời bỏ hình tướng vật thể *cao nhất* của một con thú câm lặng (chẳng hạn một con đười ươi hoặc lại nữa một con voi, một trong những con thú có nhiều trí tuệ nhất) thì chúng tôi xin nói rằng Chơn thần ấy không thể lướt qua cõi vật thể và trí thức của con người phàm tục rồi để đột ngột được tiến dần vào cõi tâm linh bên trên. Liệu có thể có được sự thưởng hoặc trừng phạt nào nơi cái cõi thực thể của con người đã thoát xác ấy dành cho một phôi thai hoặc bào thai con người thậm chí chưa có thời giờ để hít thở trên trần thế chứ đừng nói chi tới cơ hội vận dụng các quan năng thiêng liêng của tinh thần? Hoặc đối với một đứa trẻ vô trách nhiệm mà Chơn thần vô tri vô giác vẫn còn yên ngủ bên trong lớp vỏ tinh vi và vật thể thì liệu nó có cản trở được đứa trẻ khởi tự làm phỏng mình đến chết giống như người khác hay chẳng? Hoặc đối với một kẻ đần độn bẩm sinh có số lớp cuộn vỏ não chỉ 20 tới 30 phần trăm nếp cuộn của những người lành mạnh ^[1] mà do đó tại vô trách nhiệm vì bẩm sinh, hành vi hoặc những khiếm khuyết của trí năng lông bông mới phát triển có một nửa.

Khỏi cần phải nhận xét rằng cho dù chỉ là giả thuyết thì giả thuyết này cũng chẳng lỗ bịch hơn bao nhiêu so với nhiều thuyết khác vốn được coi là hoàn toàn chính thống. Chúng ta không được quên rằng do sự bất tài của các chuyên gia hoặc vì một lý do nào khác, bản thân sinh lý học vẫn là khoa học ít tiến bộ nhất và ít được hiểu biết nhất; cùng với bác sĩ Fournié, một số y sĩ Pháp dứt khoát thất vọng về việc liệu nó có bao giờ tiến bộ được vượt quá mức chỉ là giả thuyết hay chẳng.

Hơn nữa cũng học thuyết huyền bí ấy còn thừa nhận một khả năng khác; mặc dù nó hiểm hoai và mơ hồ đến nỗi thật sự là vô ích khi đề cập tới nó. Ngay cả các huyền bí gia Tây phương hiện đại cũng chối bỏ nó, mặc dù nó được chấp nhận phổ biến ở các xứ Đông phương. Khi một vong linh thoát xác – do có tật xấu, do phạm tội ác khủng khiếp và đam mê đầy thú tính đã đọa vào cõi thứ tám (cõi Âm phủ ẩn dụ, cõi *trừng phạt* trong Kinh thánh – gần nhất với trái đất ta) thì nhờ vào sự thoáng thấy của lý trí và ý thức còn sót lại nơi mình, y có thể ăn năn hối hận, nghĩa là bằng cách vận dụng những tàn lực của quyền năng ý chí, y có thể phấn đấu vươn lên giống như một người chết chìm, một lần nữa phấn đấu ngoi lên mặt nước. Trong tác phẩm *Các Huấn điều Triết học và Pháp thuật* của Psellus ta thấy có một loại cảnh báo nhân loại như sau:

“Đừng cúi xuống vì có một vực thẳm bên dưới trái đất,
Bức vẽ bên dưới đường đi xuống có BẢY nấc, dưới đó nữa là
Cái ngại thiết yếu thẳm khốc”. ^[2]

Chỉ cần một khao khát mãnh liệt để sửa chữa thảm họa của mình, một lòng ham muốn rõ rệt cũng đủ một lần nữa thu hút y về bầu hào quang quanh trái đất. Ở đây y sẽ đi lang thang, chịu ít nhiều đau khổ trong cảnh tịch liêu dễ sợ. Bản ngã sẽ khiến cho y thêm thường mưu tìm việc tiếp xúc với những người còn sống . . . Những vong linh này vốn vô hình, nhưng cũng là những con ma cà rồng từ khí có biểu hiện rành rành; đó là những con quỷ trong *nội giới* mà những người xuất thần nam nữ thời trung cổ biết rất rõ, các “phù thủy” cũng làm cho chúng nổi tiếng xiết bao trong tác phẩm *Cây Búa Phù thủy* và theo lời thú nhận của một số nhà thần nhãn nhạy cảm thì họ cũng biết rõ loài quỷ ấy. Đó là quỷ hút máu của Porphyry, *ấu trùng (larvæ)* và *lemures* của cổ nhân; những công cụ ma quỷ đã khiến cho biết bao nhiêu nạn nhân yếu đuối và bất hạnh phải bị tra tấn và thiếu sống. Origen cho rằng mọi con quỷ ám ảnh kẻ bị quỷ ám mà kinh *Tân Ước* có đề cập tới đều là vong linh “con người”. Chính vì thánh Moses biết rất rõ lai lịch chúng, hậu quả thảm khốc dành cho những kẻ yếu đuối khuất phục trước những ảnh hưởng của chúng cho nên ông mới ban hành luật giết người độc ác chống lại những kẻ sa vào đường “phù thủy” như thế; nhưng Chúa Giê su vốn đầy óc công bình và tình bác ái thiêng liêng đối với loài người đã *chữa trị* cho

[1] “Giải phẫu học của Bộ óc”, Malacorone, Milan.

[2] Psellus, 6, Plet.2; Cory: “Các Sấm truyền của người Chaldea”

chúng thay vì *giết chết* chúng. Sau này giới giáo sĩ tự cho mình là theo gương các nguyên lý của Ki Tô giáo đã tuân theo luật của thánh Moses và lạng lẽ lờ đi luật của Đấng mà mình gọi là “Đức Chúa Trời sống động duy nhất” bằng cách thiêu sống cả chục ngàn những kẻ bị cho là “phù thủy” như thế.

Phù thủy là một tên gọi gồm ghê tởm mà trong quá khứ hứa hẹn bị bị chết nhục nhã và hiện nay chỉ nói lên cũng gây nên một cơn gió lốc chế nhạo và một trận bão châm biếm! Thế thì làm cách nào mà luôn luôn có những nhà trí thức bác học chưa bao giờ nghĩ tới làm ô danh học vấn của mình hoặc hạ thấp phẩm giá của mình khi công khai sấp nhập khả năng có một điều giống như là “phù thủy” theo ý nghĩa chính xác của từ này. Một kẻ bênh vực vô úy như thế chỉ là Henry More, một nhà bác học ở Đại học Cambridge vào thế kỷ thứ 17. Ta cũng nên thử xem ông xử trí vấn đề này khéo léo ra sao.

Dường như vào khoảng năm 1678, có một nhà thần học nào đó tên là John Webster viết quyển *Phê phán và Thuyết giải Thánh kinh* chống lại sự tồn tại của các phù thủy và “những điều mê tín dị đoan” khác. Khi thấy công trình này là một tác phẩm “bạc nhược và xấu xược”, Tiến sĩ More có phê phán nó trong một bức thư gửi Glanvil, tác giả quyển *Nhiệm nhiệm phái Chiến thắng* (Sadducee = tin đồ Do Thái giáo thời Chúa Giê su không tin Chúa sống lại, *Nhiệm nhiệm phái*) và trong phần phụ lục ông có đính kèm một khảo luận về thuật phù thủy và giải thích chính thuật ngữ phù thủy. Tài liệu này rất hiếm có, nhưng chúng tôi có được ở dạng manh mún trong một bản thảo cổ, chúng tôi ngoài việc nó chỉ được đề cập trong một tác phẩm vô danh tiểu tốt năm 1820, *Bản về sự Hiện hình* thì dường như bản thân tài liệu này đã tuyệt bản từ lâu rồi.

Theo Tiến sĩ More thì các từ ngữ *nữ phù thủy* và *nam phù thủy* chẳng có nghĩa gì khác hơn là một người nam hoặc nữ khôn ngoan. Ta thấy rất rõ ngay trong từ phù thủy nếu “suy diễn tỉ mỉ một cách minh bạch nhất thì tên gọi phù thủy có từ nguyên là *wit* vốn là tính từ phái sinh *wittigh* hay *wittich* về sau bị rút gọn lại thành *witch*; vì danh từ *wit* là phái sinh của động từ *weet* nghĩa là biết. Như vậy cho đến nay phù thủy chẳng có nghĩa nào khác hơn là một người đàn bà có hiểu biết, điều này ăn khớp với từ ngữ la tinh *saga* mà theo định nghĩa của Festus, *saga* nghĩa là *bà già biết nhiều*.

Định nghĩa của từ ngữ này dường như có vẻ đúng với chúng ta vì nó ăn khớp hoàn toàn với ý nghĩa hiển nhiên của các tên gọi trong tiếng Nga và tiếng Slave để chỉ phù thủy nam và nữ. Nữ phù thủy được gọi là *vyèdma*, nam phù thủy được gọi là *vyèdmak*, cả hai đều phái sinh từ động từ *védat* tức *vyedāt*, nghĩa là *biết*; hơn nữa ngữ căn này dứt khoát là tiếng Bắc phạt. Trong *Bài giảng về kinh Phê đà*, Max Müller có nói: “Vedas thoạt tiên có nghĩa là biết hoặc kiến thức. Veda cũng chính là từ ngữ xuất hiện trong tiếng Hi Lạp *oida* nghĩa là tôi biết [chữ *gamma* kép *vau* đã bị bỏ đi] còn trong tiếng Anh nghĩa là minh triết, khôn ngoan, hiểu biết”^[1]. Hơn nữa, tiếng Bắc phạt *vidma* tương ứng với tiếng Đức *wir wissen* có nghĩa đen là “*chúng tôi biết*”. Thật đáng tiếc là nhà ngôn ngữ học lỗi lạc trong khi giảng bài dùng những từ nguyên đối chiếu bằng tiếng Bắc phạt, tiếng Hi Lạp, tiếng Gô tích, tiếng Anglo Saxon và tiếng Đức mà lại bỏ qua tiếng Slave.

Một tên gọi khác trong tiếng Nga để chỉ phù thủy nam và nữ vốn thuần túy là tiếng Slave đó là *znāhār* và *znāhaka* (giống cái) đều phái sinh cùng từ một động từ *znāt* tức là biết. Như vậy định nghĩa của Tiến sĩ More về từ ngữ này được đưa ra từ năm 1678 là hoàn toàn chính xác và trùng hợp với mọi chi tiết đặc thù với ngôn ngữ học hiện đại.

Học giả này có nói: “Khỏi cần phải thắc mắc khi người ta đã lạm dụng từ ngữ này để chỉ một loại tài khéo và tri thức vượt ngoài con đường bình thường tức là phi

[1] Xem “Bài giảng về kinh Phê đà”.

thường. *Đặc tính này cũng không hề hàm ý bất hợp pháp.* Nhưng về sau người ta hạn chế nghĩa nó hơn nữa và thỉnh thoảng người ta mới chỉ sử dụng thuật ngữ phù thủy nam và nữ. Đó là nghĩa một người có kiến thức và tài khéo làm hoặc nói một điều gì đấy một cách phi thường hoặc là nhờ vào sự kết bè đảng công khai hoặc ngấm ngầm hoặc là sự đồng lõa của một số *tà thần*". Trong điều khoản của luật khắc khe của thánh Moses, người đã kể tên ra biết bao nhiêu tên gọi phù thủy đến nỗi thật là khó khăn và cũng là hoài công khi trình bày ở đây định nghĩa của mỗi một tên gọi ấy mà ta thấy trong bộ khảo luận hay ho của Tiến sĩ More. Bản văn có nói: "Trong số các con sẽ không có ai được phép dùng bói toán, hoặc một kẻ quan sát thời gian hoặc kẻ bỏ bùa mê, hoặc nữ phù thủy hoặc kẻ thư ếm hoặc kẻ triệu thỉnh những vong linh quen thuộc hoặc nam phù thủy hoặc nhà chiêm hồn". Sau này ta sẽ chứng tỏ mục đích khắc nghiệt ấy. Hiện nay ta ắt nhận xét rằng sau khi định nghĩa đầy bác học về mỗi một trong những tên gọi ấy, Tiến sĩ More đã cho thấy giá trị trong chân ý nghĩa của chúng vào thời thánh Moses, chứng tỏ rằng có sự khác nhau rất nhiều giữa "người bỏ bùa mê", "người quan sát thời gian" v.v. . . và nữ phù thủy. "Trong lệnh cấm đoán của thánh Moses có nêu ra biết bao nhiêu tên gọi mà giống như trong luật thông thường của ta ý nghĩa có thể chắc chắn hơn không có chỗ nào để cho ta né tránh. Và tên gọi 'nữ phù thủy' không phải để chỉ một trò ảo thuật nào đó giống như kẻ sơn đông mãi võ thông thường, làm mờ mắt người ta ở chợ và chợ phiên, song le đó là tên gọi việc triệu thỉnh các bóng ma pháp thuật để làm mà mắt thiên hạ và chắc chắn là những phù thủy nam và nữ đều có nơi bản thân một *tà thần*. 'Người sẽ không để cho *mecassephah* (nghĩa là nữ phù thủy) được sống'. Đây là một luật cực kỳ nghiêm khắc hoặc nói cho đúng hơn là độc ác chống lại một trò lẹ tay tồi tàn chỉ được dùng làm trò ảo thuật".

Thế là chỉ có tên gọi thứ sáu, ám chỉ kẻ dang dúi với các vong linh quen thuộc tức các phù thủy nữ mới chịu hình phạt lớn nhất trong luật thánh Moses, vì chỉ có nữ phù thủy mới *không* được để cho sống, còn tất cả những kẻ khác chỉ bị liệt kê ra là những người mà dân Do Thái bị cấm không được giao tiếp vì họ thờ ngẫu tượng hoặc nói cho đúng hơn chủ yếu là vì quan điểm tôn giáo và học thức. Từ ngữ thứ sáu là *shoel aub* được dịch sang tiếng Anh là "kẻ dang dúi với các vong linh quen thuộc", nhưng phiên bản tiếng Hi Lạp của Cựu Ước dịch là kẻ có một vong linh quen thuộc *bên trong* mình, kẻ bị vong linh bói toán ám, người Hi Lạp coi vong linh đó là Python, còn người Hebreux coi đó là *obh* tức con rắn già nua; xét theo nghĩa bí truyền thì đó là óc tham lam *vật chất* mà theo môn đồ kinh Kabala luôn luôn là một tinh linh ngũ hành *nhân loại* thuộc cõi thứ tám.

Henry More có nói, tôi quan niệm rằng phải hiểu *shoel obh* là chính nữ phù thủy tham vấn vong linh quen thuộc của mình. Lý do tên gọi *obh* được coi trước hết từ việc vong linh đó ở trong cơ thể của người liên hệ và phình ra như cái trống, tiếng nói dường như xuất phát từ một cái chai, vì thế họ được gọi là những kẻ *truyền âm nhập mật* (ventriloquist). *Ob* cũng có nghĩa giống như *Pytho* thoát tiên mang tên gọi này do từ nguyên *pythii vates*, một vong linh nói chuyện chẳng ai biết hoặc những chuyện sắp tới. Trong *Công vụ của các Tông đồ* xvi, 16, khi thánh Paul đau khổ quay sang nói với vong linh, nhân danh Chúa Giê su Ki Tô ta truyền lệnh cho người phải xuất ra khỏi bà ấy và vong linh xuất ra khỏi vào cùng giờ". Do đó cái từ bị ám hoặc bị *nhập* là đồng nghĩa với từ *nữ phù thủy*; còn *python* của cõi thứ tám này không thể xuất ra khỏi nữ phù thủy trừ phi nó là một tinh linh riêng biệt với nữ phù thủy. Và ta cũng thấy như thế trong Thánh thư *Leviticus*, xx, 27: "Một người nam cũng như người nữ có một tinh linh quen thuộc hoặc đó là một phù thủy (một *jidegnoni* vô trách nhiệm) chắc chắn sẽ bị *xử chết*, người ta sẽ ném đá chúng, chúng sẽ *bị đổ máu*."

Chắc chắn đây là một luật độc ác và bất công, luật này cải chính cho một phát biểu mới đây của các "vong linh" qua miệng một trong những đồng cốt *linh hứng* đương thời được lòng người nhất với nội dung là việc khảo cứu ngôn ngữ học hiện đại

chứng minh rằng thánh Moses chưa bao giờ tính tới việc giết chết những “đồng cốt” hoặc *phù thủy* khốn khổ trong *Cựu Ước*, song le cụm từ “người sẽ không để cho một nữ phù thủy sống”. Chỉ có nghĩa là mưu sinh bằng thuật đồng cốt tức là kiếm kế sinh nhai! Thuyết giải như vậy vừa tài tình vừa không kém phần độc đáo. Chắc là không ở nơi đâu thiếu một cội nguồn *linh hứng* như thế mà ta lại có thể tìm thấy một sự sâu sắc ngữ học đến mức như vậy! ^[1]

Kinh *Kabala* có nói: “Con hãy đóng cửa lại trước mặt thần quỷ và nó sẽ chạy xa lánh con dường như thể con xua đuổi nó vậy”; điều này có nghĩa là bạn không được để cho các vong linh ám ảnh ấy kiểm soát bản thân mình bằng cách thu hút chúng vào trong bầu hào quang tội lỗi bầm sinh.

Những vị thần này tìm cách xâm nhập vào cơ thể những ngớ ngẩn và đần độn, ở lại đó cho đến khi bị trục xuất bởi một ý chí mạnh mẽ và *thuần khiết*. Chúa Giê su, Apollonius và một số môn đồ có quyền năng trục *ma quỷ* bằng cách tẩy trừ bầu hào quang *bên trong* và *bên ngoài* bệnh nhân khiến cho kẻ thuê mướn không được tiếp đãi niềm nở và phải bắt buộc cao chạy xa bay. Một vài loại muối dễ bay hơi đặc biệt độc hại đối với họ, và tác dụng của các hóa chất được dùng trong một cái đĩa đặt bên dưới cái giường của ông Varley ở Luân đôn ^[2] vì mục đích giữ cho một số hiện tượng lạ khó chịu trên cõi trần phải lánh xa vào ban đêm; điều này bổ chứng cho sự thật ấy. Các vong linh con người thanh khiết hoặc thậm chí chỉ vô hại thôi ắt chẳng sợ điều gì vì họ đã rũ bỏ vật chất *trần tục*, các hợp chất trần tục tuyệt nhiên không có thể ảnh hưởng tới họ được; các vong linh như thế giống như một *thần khí*. Các vong hồn vướng vòng tục lụy và các tinh linh thiên nhiên không được như thế.

Các nhà nghiên cứu kinh *Kabala* thời xưa ấp ủ hi vọng *tái sinh* cho những *ấu trùng* xác thịt trần tục này tức là các vong linh con người đã thoái hóa. Nhưng khi nào hoặc làm thế nào? Vào một lúc thích hợp, và nếu được trợ giúp bởi một ham muốn chân thành cải tạo và ăn năn do một người mạnh mẽ có thiện cảm nào đó hoặc ý chí của một cao đồ, hoặc ngay cả một ham muốn xuất phát từ chính vong hồn lang

^[1] Để tránh một số nhà thần linh học cãi lại, chúng tôi xin trình bày nguyên văn bản văn đang xét, coi đó là một mẫu cho tính không đáng tin cậy của những lời thốt ra dưới dạng sấm truyền của một số “vong linh”. Cho dù chúng là vong linh người hay tinh linh ngũ hành thì các vong linh ấy thật là trớ tráo vì các nhà huyền bí học không thể coi chúng là những kẻ hướng dẫn an toàn về triết học, khoa học chính xác hoặc luân lý. Trong một bài thuyết trình công cộng bàn về “Lịch sử của Huyền bí học và Quan hệ của nó với Thần linh học” (Xem tạp chí “Ngọn cờ Ánh sáng” số ra ngày 28 tháng 6 năm 1876) bà Cora V. Tappan có bảo rằng: “Ta nên nhớ rằng từ ngữ cổ truyền, “thuật phù thủy” hoặc việc vận dụng phép phù thủy vốn bị cấm đoán trong đám người Hebreux. Bản dịch cho rằng không nên để nữ phù thủy sống sót. Người ta đã giả định rằng đó là thuyết giải theo nghĩa đen và dựa vào điều ấy tổ tiên rất mộ đạo và sùng tín của bạn không cần có đủ bằng chứng vẫn cứ xử tử biết bao nhiêu người chân thành, khôn ngoan và rất thông minh khi kết án người ta là dùng thuật phù thủy. Thế mà giờ đây lại hóa ra rằng có thể thuyết giải hoặc dịch là: không được để cho các nữ phù thủy mưu sinh bằng cách thực hành thuật phù thủy. Điều này nghĩa là không được kiếm tiền chuyên nghiệp bằng thuật phù thủy”. Liệu chúng ta có quá táo bạo chẳng khi thắc mắc với diễn giả nổi tiếng rằng *ai hoặc thẩm quyền* nào dám *đổi trắng thay đen* một sự việc như thế.

^[2] Ông Cromwell F. Varley, người thợ điện nổi tiếng của Công ty Cấp điện tại Đại tây dương loan báo kết quả quan sát của ông trong buổi thảo luận tại Hội Tâm linh học ở nước Anh vốn được tường trình trong Tạp chí *Nhà Thần linh học* (Luân đôn số ngày 14 tháng 4 năm 1876 trang 174-175). Ông nghĩ rằng tác dụng của axit nitric tự do trong bầu khí quyển có thể xua tan điều mà ông gọi là các “tà thần”. Ông nghĩ rằng những người bị tà thần quấy nhiễu trong nhà ắt sẽ được dễ chịu hơn nếu đổ một ounce lưu toan đặc lên hai ounces hỏa tiêu mịn như bột bỏ trong một cái đĩa rồi đặt hỗn hợp ấy bên dưới giường ngủ. Đây là một nhà khoa học mà danh tiếng vươn ra trên cả hai đại học, ông trình bày một phương thuốc để xua tan tà thần. Thế mà công chúng lại chế nhạo coi như “mê tín dị đoan” đối với các thảo dược và nhang trầm mà người Ấn Độ, Trung Hoa, Phi châu và các giống dân khác sử dụng để hoàn thành cùng một mục đích như vậy.

thang, miễn nó có đủ sức mạnh để khiến cho y vút bỏ gánh nặng vật chất tội lỗi. Vì mất hết mọi ý thức, Chơn thần từng một thời sáng suốt bèn một lần nữa bị lôi cuốn vào vòng xoáy của cuộc tiến hóa trần tục và nó phải trải qua lại các giới thuộc cấp để rồi được phà ra là một đứa trẻ đỏ hồng. Không thể tính toán được thời gian cần thiết để hoàn tất quá trình này. Vì trong vĩnh hằng không có nhận thức về thời gian cho nên toan tính như vậy chỉ là dã tràng xe cát.

Nhưng chúng ta chỉ có nói một ít tin đồn kinh Kabala tin vào điều đó và thuyết này bắt nguồn từ một vài chiêm tinh gia. Trong khi lập lá số tử vi của một vài nhân vật lịch sử nổi tiếng về một số điều đặc thù trong bản tính, thì họ thấy sự hội tụ của các hành tinh hoàn toàn ăn khớp với những sấm truyền đáng chú ý và những điều tiên tri về những người khác được sinh ra vào những thời đại sau này. Sự quan sát và điều mà giờ đây người ta gọi là những "sự trùng hợp đáng chú ý", bổ sung thêm cho điều khai huyền trong "giấc ngủ linh thiêng" của kẻ sơ cơ, tiết lộ sự thật dễ sợ. Tư tưởng này khủng khiếp đến nỗi ngay cả những kẻ buộc phải tin vào nó cũng thích lờ nó đi hoặc ít ra tránh nói tới đề tài này.

Cách thức đạt các sấm truyền này được thực hành vào thời xa xưa nhất. Ở Ấn Độ, sự hôn thụy cao cả này được gọi là "giấc ngủ linh thiêng của * * *". Đó là sự quên lãng mà đối tượng đắm chìm vào đấy qua một vài quá trình pháp thuật, được bổ sung bởi những ngậm nước cam lồ. Cơ thể của người ngủ vẫn còn ở trong tình trạng giống như chết trong nhiều ngày, và do quyền năng của bậc cao đồ, nó được tẩy trừ khỏi điều trần tục và khiến cho nó trở thành vật tạm thời chứa đựng ánh sáng chói của thể Hào quang bất tử. Trong trạng thái này cơ thể bị mê mẫn được khiến cho phản chiếu sự vinh quang của các cõi cao, giống như một chiếc gương sáng bóng phản chiếu các tia sáng mặt trời. Người ngủ không chú ý tới khoảng thời gian nhưng lúc thức dậy sau bốn hoặc năm ngày xuất thần, y tưởng tượng rằng mình mới chỉ ngủ được một vài giây phút. Điều mà miệng y thốt ra y chẳng bao giờ biết tới; nhưng vì chính tinh thần điều động chúng cho nên chúng chẳng thốt ra điều gì ngoại trừ sự thật thiêng liêng. Trong lúc này thì cái vỏ bọc khổ được cho trở thành đền thờ của sự hiện diện linh thiêng và chuyển hóa thành một sấm truyền một ngàn lần không thể sai lầm so với nữ Pythoness bị ngạt thở ở đền thờ Delphi; và không giống như cơn mê sáng mantic của bà vốn được phô trương trước đám đông, giấc ngủ linh thánh chỉ được chứng kiến bên trong phạm vi linh thiêng bởi một vài cao đồ vốn xứng đáng để đứng trước mặt đấng ADONAI.

Sự mô tả mà Isaiah dành cho điều tẩy trừ cần thiết đối với một đạo sư phải trải qua trước khi y xứng đáng là phát ngôn viên của cõi trời, áp dụng cho trường hợp đang xét. Trong phép ẩn dụ thông thường, ông có nói rằng: "Thế rồi một trong các seraphim bay tới ta và có một cục than cháy rực trên bàn tay mà ông đã dùng cái kẹp bẹp gấp ra từ bàn thờ . . . và ông bỏ nó vào miệng rồi nói Hãy xem, điều này đã chạm tới miệng của con và sự bất toàn của con đã biến mất".

Lời triệu thỉnh thể Hào quang mình của bậc cao đồ được tẩy trừ mô tả trong những lời lẽ đẹp vô song của Bulwer-Lytton trong tác phẩm *Zanoni* và ở đó ông cung cấp cho ta hiểu được chỉ cần nhiễm chút ít lòng đam mê trần tục thì với bậc đạo trưởng cũng không thích hợp để thông công được với hồn vô nhiễm. Chẳng những có ít người có thể thực thi thành công nghi thức mà ngay cả những người này cũng hiếm khi cầu viện tới nó ngoại trừ để giáo huấn một kẻ sơ cơ và đạt được sự hiểu biết có tầm quan trọng long trọng nhất.

Thế nhưng tri thức mà các bậc đạo trưởng này tích tụ cũng ít được thấu hiểu hoặc đánh giá cao xiết bao bởi công chúng! Tác giả của quyển *Pháp Thuật* có nói: "Có một tập hợp khác các tài liệu và truyền thuyết mang tựa đề là kinh Kabala được gán cho các học giả Đông phương; nhưng vì tác phẩm đáng chú ý này có ít hoặc không có giá trị nếu không có bí quyết, vốn chỉ được cung cấp bởi các Hội đoàn Huynh đệ Đông

phương cho nên việc sao lục nó ắt vô giá trị đối với bạn đọc nói chung”^[1]. Và họ bị chế nhạo xiết bao bởi mọi thương khách Houndsditch vốn đi lang thang qua xứ Ấn Độ trong việc theo đuổi “các lệnh” và viết thư cho tờ *Thời Báo*, biểu diễn sai lạc bởi mọi kẻ ranh mãnh nhanh tay vốn tự cho là mình trình diễn trò ảo thuật đối với đám đông đang há hốc miệng ra trước kỳ công của nhà pháp thuật Đông phương chân chính!

Nhưng mặc dù vốn không công bằng về vụ việc Algeria, Robert Houdin, một người có thẩm quyền về thuật tiên tri và Moreau Cinti, một người khác, xác nhận thẳng thắn vì lợi ích của các đồng cốt người Pháp. Khi các Hàn lâm viện sĩ kiểm tra chéo họ thì chứng nhận rằng không một ai ngoại trừ những “người đồng cốt” có thể tạo ra những hiện tượng lạ về sự gõ bàn và khinh thân mà không chuẩn bị thích hợp và có đồ nghề thích ứng với mục đích ấy. Họ cũng cho thấy rằng cái gọi là “những sự khinh thân không chạm tay vào” là những chiến tích vượt ngoài tầm quyền năng của kẻ sơn đông mãi võ *chuyên nghiệp*; đối với họ những sự khinh thân như thế trừ phi được tạo ra trong một căn phòng được cung cấp máy móc bí mật và gương lồi thì ta *không thể làm được*. Hơn nữa, họ nói thêm rằng chỉ nội việc xuất hiện một bàn tay trong mờ ở chỗ mà ta không có được sự đồng lõa khi người đồng cốt bị lục soát trước đó ắt chứng tỏ rằng ấy là công trình của *không một tác nhân con người nào*, cho dù tác nhân ấy có ra sao đi chăng nữa. Báo *Thế Kỷ* và các báo Pháp ở Paris ngay tức khắc công bố sự nghi ngờ của mình có thể là hai nhà quý tộc chuyên nghiệp và rất tế nhị này đã trở thành đồng lõa của những nhà thần linh học!

Giáo sư Pepper, giám đốc Viện Bách khoa Luân đôn, phát minh ra một guồng máy khéo léo để tạo ra việc các vong linh xuất hiện trên sân khấu và ông bán được bằng phát minh vào năm 1863 ở Paris được tổng số tiền là 20.000 quan. Những con ma nhìn giống như thực và phù du nhưng chỉ là một hiệu quả được tạo ra do sự phản chiếu của một vật được soi sáng rất nhiều lên trên bề mặt của kính ảnh. Chúng dường như xuất hiện và biến mất, bước quanh sân khấu, đóng vai trò của mình một cách hoàn hảo. Đôi khi một trong những con ma ngã mình trên ghế dài, sau đó một trong những diễn viên sống bắt đầu cãi lộn với con ma, chụp lấy cây rìu nặng nề chặt đôi đầu và mình của con ma. Nhưng khi nổi hai bộ phận với nhau thì con ma ắt lại xuất hiện cách xa một vài bước trước sự sửng sốt của công chúng. Trò sáng chế này hoạt động như phép lạ và đêm nào cũng thu hút một đám đông. Nhưng để tạo ra những con ma này cần có một khí cụ sân khấu và hơn một đồng lõa. Tuy nhiên có một số phóng viên đã dùng trò phô diễn này để làm cố chế nhạo các *nhà thần linh học*, dường như thể hai lớp hiện tượng lạ có liên quan rất ít với nhau! Điều mà có con ma của Pepper làm ra về thực hiện thì khi phản chiếu của mình được các tinh linh ngũ hành làm cho hiện hình, các chơn linh con người đã thoát xác chân chính có thể thực sự thực thi. Họ sẽ tự cho phép mình bị xuyên thủng bằng những viên đạn hoặc lưỡi gươm hoặc bị cắt cụt chân tay để rồi ngay tức khắc tạo ra chúng trở lại. Nhưng trường hợp này lại khác, đối với cả các tinh linh ngũ hành, con người lẫn vũ trụ, vì cây gươm hay con dao găm hoặc ngay cả một cây gậy có chuốt mũi nhọn cũng khiến cho họ biến mất khủng khiếp. Ta ắt dường như không thể giải thích được điều này cho những người nào không hiểu tinh linh ngũ hành được cấu tạo bằng chất liệu nào; nhưng môn đồ kinh Kabala hoàn toàn hiểu được chúng. Những sử liệu của thời xưa và của thời trung cổ (chứ đừng nói tới những phép lạ hiện đại ở Cideville) vốn đã được xác nhận đúng đắn đối với chúng tôi, ắt bổ chứng cho những sự kiện này.

Các kẻ đa nghi và ngay cả những nhà thần linh học đa nghi thường tố cáo bất công đám đồng cốt là gian lận, khi chối bỏ điều mà họ coi là quyền không thể trặc nghiệm các vong linh. Nhưng ở nơi có một trường hợp như thế thì có 50 trường hợp mà các nhà thần linh học được phép thực hành đối với những kẻ ranh mãnh, trong khi họ bỏ qua những sự trình diễn chân chính để đánh giá cao chúng mà những nhà đồng

[1] “Pháp Thuật”, trang 97.

cốt đã tạo ra. Vì không biết các định luật về đồng cốt, cũng không biết khi nào thì một người đồng cốt ngay thẳng đã từng một lần các vong linh ấy nhập vào, cho dù đã thoát xác hay thuộc tinh linh ngũ hành thì y vẫn không còn tự chủ được nữa. Y không thể kiểm soát được hành động của vong linh thậm chí hành động của chính mình. Chúng khiến cho y trở thành một bù nhìn múa may quay cuồng theo ý thích của họ trong khi họ giật dây ở đằng sau cánh gà. Người đồng cốt giả mạo dường như xuất thần thể nhưng lúc nào cũng mánh lới; trong khi đó người đồng cốt trung thực có thể dường như làm chủ được trọn vẹn các giác quan của mình khi thật ra y đã biến đi xa còn thể xác của y được làm linh hoạt bởi “vong linh kiểm soát” hoặc “hướng dẫn người da đỏ”. Hoặc là y có thể xuất thần trong phòng kín khi thể phách tức *doppelganger* của y đi vòng vòng quanh căn phòng do một sinh linh thông tuệ khác điều động.

Trong số mọi hiện tượng lạ thì *hiện tượng phản kích* có liên quan mật thiết với hiện tượng phân thân và “đăng vân” là đáng gây sùng sốt nhất. Vào thời trung cổ, nó được bao gồm trong đề mục thuật phù thủy. De Gasparin trong phần biên bác về tính cách kỳ diệu của những phép lạ ở Cideville bàn dông dài về đề tài này; nhưng đến lượt những lời giải thích tự xưng tự mọc này đều bị de Mirville và des Mousseaux chứng minh là sai; trong khi không thể thành công với toan tính truy nguyên hiện tượng lạ tới tận Ma quỷ, tuy nhiên ông lại chứng tỏ nguồn gốc tâm linh của chúng.

Des Mousseaux có nói: “Sự kỳ diệu trong sự phản kích xảy ra khi một cú đâm nhằm vào vong linh hữu hình hoặc vô hình của một người *còn sống* đang vắng mặt hoặc nhằm vào bóng ma đang biểu diễn, y lại đánh trúng chính bản thân người ấy cùng lúc ở chính cái chỗ mà bóng ma hoặc thể phách của y bị chạm tới! Do đó ta ắt phải giả định rằng cú đâm đã bị phản kích và nó đạt tới, dường như thể bị dội lại từ hình ảnh của người sống – song trùng thể (duplicate) mờ ảo của y ^[1] – là cái bản gốc mà y có thể ở bất cứ nơi đâu bằng xương bằng thịt.

“Như vậy chẳng hạn như một cá nhân xuất hiện trước mặt tôi hoặc vẫn còn vô hình, tuyên chiến, đe dọa và khiến cho tôi bị đe dọa bởi sự ám ảnh. Tôi đập vào cái nơi mà tôi nhận thức được bóng ma, nơi tôi nghe tiếng y di chuyển, nơi tôi cảm thấy *một người nào đó*, một điều gì đó quấy nhiễu và chống lại tôi. Tôi đánh vào đó; đôi khi máu xuất hiện tại chỗ, đôi khi ta có thể nghe một tiếng kêu thét lên, y bị thương và có lẽ đã chết rồi. Nó đã được thực hiện và tôi đã giải thích được sự kiện này” ^[2].

“Mặc dù vậy, vào lúc tôi đánh y thì sự hiện diện của y ở một chỗ khác được chứng tỏ là trung thực . . . Tôi đã thấy, đúng vậy, tôi thấy rõ bóng ma bị tổn thương trên má hoặc ở vai và ta thấy cũng vết thương ấy ở chính xác nơi người còn sống được phản kích trên má hoặc vai của y. Như vậy hiển nhiên là các sự kiện phản kích có liên quan mật thiết với hiện tượng phân thân hoặc *chiết thân* xét về mặt tâm linh hoặc vật thể”.

[1] Con ma này được gọi là *Scin Lecca*. Xem “Câu chuyện Kỳ lạ” của Bulwer Lytton.

[2] Trong ấn bản Strasbourg của tác phẩm, xuất bản năm 1603, Paracelsus có viết về quyền năng *pháp thuật* kỳ diệu của tinh thần con người. Ông bảo rằng: “Có thể là tinh thần của tôi cần tới sự trợ giúp của cơ thể mà chỉ cần một ý chí hùng hực thôi cũng có thể đâm thọc và làm bị thương người khác mà không cần có một lưỡi gươm. Cũng có thể là tôi đưa tinh thần của đối thủ mình vào trong một ảnh tượng, nhân đôi nó lên rồi làm cho nó què quặt . . . Việc vận dụng ý chí là một tuyệt tác trong y học . . . Mọi óc tưởng tượng của con người đều xuất hiện qua trái tim vì đây là mặt trời của tiểu vũ trụ và óc tưởng tượng xuất phát từ tiểu vũ trụ nhập vào đại vũ trụ (chất ether vũ trụ) . . . óc tưởng tượng của con người là một hạt giống vốn mang tính cách *vật chất*”. (Các nhà khoa học nguyên tử hiện đại của ta đã chứng tỏ được điều đó; xem Babbage và Giáo sư Jevons). “Tư tưởng cố định cũng là một phương tiện để đạt được cứu cánh. Pháp thuật là *minh triết ẩn tàng* vĩ đại, còn lý trí là sự điên rồ vĩ đại của công chúng. Không có áo giáp nào che chở ta chống được pháp thuật, vì pháp thuật gây tổn thương cho tinh thần bản thể *bên trong*”.

Lịch sử của thuật phù thủy ở Salem theo như ta thấy được ghi lại trong các tác phẩm của Cottom Mather, Calef, Upham và những tác phẩm khác cung ứng một sự bổ chứng kỳ diệu cho sự kiện về thể phách, vì nó cũng bổ chứng cho những hiệu quả khiến cho các tinh linh ngũ hành tự tung tự tác. Cái hồi bi kịch này trong lịch sử nước Mỹ chưa bao giờ được viết ra phù hợp với sự thật. Một đoàn bốn hoặc năm cô gái trẻ đã được "phát triển" thành các đồng cốt bằng cách ngồi đồng với một phụ nữ da đen ở Tây Ấn, một người thực hành *Obeah*. Họ bắt đầu chịu đủ thứ tra tấn thể xác chẳng hạn như néo, kim gút đâm vào, các dấu vết bầm tím và vết răng cắn ở các bộ phận khác nhau trong cơ thể. Họ ắt tuyên bố rằng mình bị tổn thương do bóng ma của một vài người, và chúng ta học được từ tác phẩm nổi tiếng *Chuyện kể về Deodat Lawson* (Luân đôn, năm 1704) mà "một số người thú nhận rằng đã hành hạ những người đau khổ (nghĩa là những cô gái còn trẻ) tùy theo thời gian và phương thức mà họ bị tố cáo; người ta hỏi họ, họ đã làm gì để hành hạ chúng thì một số bảo rằng họ lấy kim châm chích vào hình nộm làm bằng giẻ rách, sáp và các vật liệu khác. Sau khi ký lệnh hành quyết, một người thú nhận rằng mình thường hành hạ chúng bằng cách dùng móng vuốt và chắp tay lại *mong sao* cái bộ phận nào và cách thức nào sẽ hành hạ được họ và "thế là điều đó được thực thi"^[1].

Ông Upham cho ta biết rằng Abigail Hobbs, một trong những cô gái này thú nhận rằng cô đã đồng lõa với ma quỷ đến với cô dưới dạng một con người và ra lệnh cho cô hành hạ những cô gái, đem tới những hình ảnh làm bằng gỗ giống như họ, dùng gai chích vào các hình ảnh đúng như bà ta làm; thế là những cô gái kêu thét lên như thể họ bị bà ta gây tổn thương".

Những sự kiện này hoàn hảo xiết bao, giá trị của nó được chứng tỏ bởi sự chứng nhận không chối cãi được nơi tòa án đạt tới mức bổ chứng cho học thuyết của Paracelsus. Thật vô cùng kỳ lạ khi một học giả lão thành như ông Upham mà tích lũy được vào trong một ngàn trang gồm bộ sách hai quyển của mình một đồng bằng chứng pháp lý như thế đạt đến mức cho thấy tác nhân của những vong hồn vương vòng tục lụy và những tinh linh thiên nhiên ranh ma trong các bi kịch này mà không nghi ngờ gì về các sự thật.

Cách đây hàng nhiều thời đại, Lucretius có khiến cho ông già Ennius nói câu sau đây:

"Bis duo sunt hominis, manes, caro, *spiritus umbra*;
Quatour ista loci bis duo suscipient;
Terra tegit carnem; -tumulum circumvolat umbra,
Orcus habet manes."

Trong trường hợp này cũng như trong mọi trường hợp tương tự vì không thể giải thích được mọi sự kiện cho nên các nhà khoa học khẳng định rằng nó *không thể* tồn tại.

Nhưng giờ đây chúng tôi sẽ nêu ra một vài trường hợp lịch sử để chứng tỏ rằng một số vị thần hoặc tinh linh ngũ hành sợ gươm, dao hoặc bất kỳ vật nào sắc bén. Chúng tôi không tự cho mình giải thích được lý do. Đó là địa hạt của sinh lý học và tâm lý học. Tiếc thay, các nhà sinh lý học thậm chí chưa thể xác lập được mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tư tưởng, do đó phải bàn giao nó cho các nhà siêu hình học. Theo Fournié, đến lượt các nhà siêu hình học cũng chẳng làm được gì. Chúng tôi nói chẳng làm được gì mà lại yêu sách đủ thứ. Người ta không thể trình bày sự kiện nào cho một số những người này, đối với các nhà bác học quý phái ấy, ít ra thì nó cũng quá lớn lao để cố gắng nhồi nhét vào trong những lỗ chông bở câu của mình mà một số người gọi tên bằng tên gọi tiếng Hi Lạp hoang tưởng, biểu diễn mọi điều khác hơn là bản chất thực của hiện tượng này.

^[1] "Thuật phù thủy ở Salem; có bản tường trình về Làng Salem" của C. W. Upham.

Người khôn ngoan Muphti ở Aleppo kêu to lên với con trai của mình là Ibrahim: "Hỡi ơi, hỡi ơi! Con của tôi!" Abraham bị mắc nghẹn do cái đầu của một con cá khổng lồ. "Khi nào thì người nhận thức ra rằng bao tử của người còn nhỏ hơn đại dương?" Hoặc như bà Katherine Crowe có nhận xét trong *Khía cạnh Đêm đen của Thiên nhiên*, khi các nhà khoa học chúng ta công nhận rằng "trí năng của mình không đo lường được các bản thiết kế của Thượng Đế Toàn Năng?"

Chúng tôi sẽ không yêu cầu một tác giả thời xưa nào đề cập tới những sự kiện có bản chất dường như *siêu tự nhiên*; mà đúng hơn là liệu ai trong số họ không đề cập đến điều đó? Trong tác phẩm Homer chúng ta thấy Ulysses triệu thỉnh vong linh của bạn mình là thầy bói Tiresias. Để chuẩn bị cho nghi thức "đại tiệc máu", Ulysses rút gươm ra và thế là dọa cho hàng ngàn con ma bị lễ hiến tế thu hút tới phải tháo chạy. Bản thân người bạn Tiresias vốn được trông mong bao lâu rồi không dám tiếp cận y chừng nào mà Ulysses còn cầm lăm lăm trên tay vũ khí để sợ ^[1]. Æneas chuẩn bị giáng xuống cõi giới của các u hồn và ngay khi chúng đến gần cửa vào thì người nữ đồng cốt Sibyl hướng dẫn ông bèn thốt lên lời cảnh cáo đối vị anh hùng thành Trojan và ra lệnh cho ông rút gươm vạch đường đi xuyên qua đám đông ken đặc những hình tướng thoáng qua:

"*Tuque invade viam, vaginâque eripe ferrum.*" ^[2]

Glanvil tường thuật kỳ diệu về sự hiện hình của "kẻ Đánh trống ở Tedworth" xảy ra vào năm 1661; trong đó *thể phách* của người phù thủy đánh trống hiển nhiên là rất sợ thanh gươm. Trong tác phẩm của mình ^[3] Psellus trình bày một câu chuyện dài về người chị dâu bị quăng vào một trạng thái dễ sợ nhất do một vị *thần* tinh linh ngũ hành ám bà. Rồi cuộc bà được một thầy pháp chữa khỏi, y là một người nước ngoài tên là Anaphalangis, y bắt đầu bằng cách đe dọa kẻ vô hình chiếm xác bà bằng một *cây gươm trần*, cho đến khi cuối cùng kẻ chiếm xác bị trục xuất. Psellus dẫn nhập trọn cả một vấn đáp giáo lý về ma quỷ học mà ông trình bày qua những lời lẽ sau đây mà chúng tôi nhớ được.

Người thầy pháp hỏi: Bạn muốn biết phải chăng cơ thể của các tinh linh có thể bị tổn thương do gươm hoặc bất kỳ vũ khí nào khác? ^[4]. Đúng vậy, họ có thể. Bất cứ chất cứng rắn nào đánh lên họ đều có thể khiến cho họ cảm thấy đau đớn; và mặc dù cơ thể chúng không làm bằng vật chất rắn chắc hoặc bền dai thì chúng vẫn cảm thấy nó do bởi các sinh linh được phú cho tính nhạy cảm mà không nhất thiết chỉ có dây thần kinh mới có được khả năng cảm nhận, tinh linh ngự nơi các dây thần kinh cũng có năng lực cảm nhận . . . Cơ thể của một tinh linh có thể nhạy cảm về *tổng thể* cũng như nơi mỗi một trong các bộ phận. Nếu không có sự trợ giúp của bất kỳ cơ thể nào thì tinh linh vẫn nhìn thấy, nghe thấy và cảm xúc thấy nếu bạn sờ vào nó. Nếu bạn chia chẻ nó ra làm hai thì nó vẫn cảm thấy đau như bất kỳ người còn sống nào bởi vì nó vẫn còn là *vật chất*, mặc dù tinh vi đến nỗi thường thường thì mắt phàm ta không thấy được . . . Tuy nhiên có một điều phân biệt y với người còn sống, nghĩa là khi tay chân người ta bị chia chẻ ra một lần thì các bộ phận ấy không thể tái hợp nhất rất dễ dàng. Nhưng nếu bạn cắt một *vị thần* ra làm đôi thì bạn ắt thấy ngay tức khắc nỗi liên bản thân lại. Cũng như nước hoặc không khí khép lại đằng sau một vật thể rắn chắc ^[5] bằng ngang qua nó và không để lại một dấu vết nào. Cũng vậy cơ thể của một vị

[1] "Odyssy", A. 82.

[2] "Eneid", quyển vi, trang 260.

[3] Tác phẩm "De Dæmon", chương "Quomodo dæm occupent."

[4] Numquid dæmonum corpora pulsar possunt? Possunt sane, atque dolere solido quidam percussa corpora.

[5] Ubi secatur, mox in se iterum recreatur et coæcit . . . dictum velocius dæmonicus spiritus in se revertitor.

thần ngưng tụ trở lại khi vũ khí thọc sâu vào được rút ra khỏi vết thương. Nhưng mọi vết rách trong cơ thể đều khiến cho vị thần cảm thấy đau đớn. Chính vì thế mà các vị thần sợ mũi nhọn của một cây gươm hoặc bất kỳ vũ khí sắc bén nào. Mong sao những người muốn thấy các vị thần tháo chạy hãy thử thí nghiệm như vậy”.

Một trong những học giả uyên bác nhất thuộc thế kỷ đương thời, nhà Ma quỷ học Bodin, cũng chủ trương cùng một ý kiến cho rằng cả con người và các tinh linh ngũ hành vũ trụ “đều sợ đau do gươm dao”. Đó cũng là ý kiến của Porphyry, Iamblichus và Plato. Plutarch có đề cập tới nó nhiều lần. Các nhà thông thần thực hành cũng biết rõ nó và hành động theo đó; nhiều nhà thông thần quả quyết rằng “chư thần bị đau do bất kỳ vết rách nào trong cơ thể”. Bodin kể cho chúng ta một câu chuyện diệu kỳ với nội dung như vậy ở trang 292 của tác phẩm *Bàn về Chư thần*.

Tác giả có nói: “Tôi nhớ là vào năm 1557, một vị thần tinh linh ngũ hành, một trong những người đó được gọi là *săm* cùng với *tia chớp* rớt vào nhà của Poudot, là người thợ giày và ngay tức khắc bắt đầu ném đá khắp phòng. Chúng tôi lượm được nhiều đá đến nỗi bà chủ nhà chắt đầy một cái rương lớn sau khi đã đóng kín cửa sổ và cửa ra vào lại còn khóa chặt cái rương nữa. Những điều đó tuyệt nhiên không ngăn cản được vị thần đưa những viên đá khác vào trong phòng mà không làm tổn hại cho bất cứ thứ nào khác. Latomi, lúc bấy giờ là vị *Khu phố Trường* ^[1] đã đến xem điều gì xảy ra. Ngay khi ông bước vào, tinh linh làm cho cái nón rơi ra khỏi đầu ông, khiến ông bỏ chạy. Điều này kéo dài trong hơn sáu ngày khi ông Jean Morgnes, Cố vấn ở *Presidial* đến rủ tôi đi xem điều bí mật ấy. Khi tôi bước vào nhà, một người nào đó khuyên chủ nhà cầu nguyện Thượng Đế một cách hết lòng và quơ tròn một thanh gươm nơi không khí bao xung quanh phòng; người chủ đã làm như thế. Vào ngày hôm sau thì bà chủ nhà cho chúng tôi biết rằng ngay từ chính lúc đó, họ tuyệt nhiên không còn nghe thấy tiếng động trong căn nhà; nhưng trong bảy ngày trước đó, tiếng động cứ kéo dài khiến cho họ không một giây phút nào được yên nghỉ”.

Những quyển sách về thuật phù thủy thời trung cổ đầy đầy những câu chuyện như thế. Tác phẩm rất hiếm hoi và thú vị của Glanvil tên là *Nhiệm Nhiệm phái Chiến thắng* (Sadducismus Triumphatus) xếp ngang hàng với tác phẩm của Bodin nêu trên là một trong các tác phẩm hay nhất. Nhưng bây giờ tôi phải nhường chỗ cho một vài câu chuyện kể của các triết gia thời xưa hơn, họ đồng thời cũng giải thích điều mà họ mô tả.

Và xếp hàng đầu là các phép lạ xuất phát từ Proclus. Danh sách các sự kiện của ông, hầu hết những sự kiện này đều được ông ủng hộ bằng cách trích dẫn các nhân chứng – đôi khi là các triết gia nổi tiếng - ắt gây sững sờ. Ông ghi lại nhiều trường hợp đương thời mà người ta thấy người chết đổi thể nằm trong mộ hoặc là từ thể đứng sang thể ngồi mà ông gán cho là do các *ấu trùng* và ông bảo rằng “nó được cổ nhân tường thuật lại chẳng hạn như Aristius, Epimenides và Hermodorus”. Ông trình bày năm trường hợp như thế từ câu chuyện của Clearchus, môn đồ của Aristote. **1.** Cleonymus, người thành Athene; **2.** Polykritus, là một người nổi tiếng trong số người Æolians. Sử gia Nomachius có tường thuật rằng Polykritus đã chết và 9 tháng sau khi chết lại trở về. Dịch giả Taylor: “Hiero, người Ephesia và các sử gia khác đều chứng nhận cho sự thật của điều này; **3.** Ở Nicopolis điều ấy cũng xảy ra đối với một người Erinus. Người Erinus sống lại vào ngày thứ 15 sau khi đã được chôn và sau đó sống thêm một thời gian, sống một cuộc đời gương mẫu; **4.** Rufus là một tu sĩ ở Thessalonica đã hồi sinh ba ngày sau khi chết vì mục đích thực hiện một vài nghi thức linh thiêng theo lời hứa; y hoàn thành cam kết của mình và chết trở lại rồi không hiện về nữa. **5.** Đây là trường hợp của một Philonæa, sống dưới thời vua Philip trị vì. Bà là con gái của Demostratus và Charito ở Amphipolos. Bị ép gả cho một người Kroterus, chẳng bao lâu sau bà qua đời. Nhưng vào tháng thứ 6 sau khi chết bà sống lại như lời

[1] Một vị thẩm phán ở quận ấy.

Proclus: “Do tình yêu của bà đối với một thanh niên tên là Machates từ Pella đến với cha bà Demostratus”. Bà viếng thăm thanh niên ấy trong nhiều đêm liên tiếp, nhưng điều này rốt cuộc bị bại lộ thì bà, đúng hơn là con ma cà rồng biểu diễn bà, chết đi vì tức giận. Trước đó bà tuyên bố rằng bà hành động theo kiểu này do ý muốn của vị *thần trần tục*. Mọi người ở thị trấn thấy xác chết bà bị chết lần thứ hai nằm trong nhà cha mình. Khi mở cửa mà nơi người ta đặt xác chết bà, thân bằng quyến thuộc thấy nó trống rỗng, những người này đâu có tin chuyện ấy nên đi tới đó để kiểm chứng sự thật. Chuyện kể này được bổ chứng bởi tác phẩm *Thư của Hipparchus* và thư của Arridæus gửi vua Philip ^[1].

Proclus có nói: “Nhiều cổ nhân khác đã sưu tập được lịch sử của những người đã chết lâm sàng rồi sau đó sống lại. Trong số những người này có nhà vật lý Demokritus. Trong tác phẩm của mình bàn về cõi Âm phủ, trong trường hợp đang xét, ông quả quyết rằng chết dường như không phải là hoàn toàn bỏ hết trọn cả sự sống của thể xác, mà sự sống chỉ dừng lại do một cú đấm hoặc có lẽ do một vết thương nào đó; nhưng các ràng buộc của anh hồn vẫn còn bám rết xung quanh tủy sống và trái tim vẫn còn tràn trề nơi sâu thẳm mùi cháy khét của sự sống; và khi còn cái này thì nó còn thụ đắc được sự sống vốn đã bị kiệt quệ do phải thích ứng với sự hồi sức”.

Ông lại nói tiếp: “Ông thấy hiển nhiên anh hồn có thể đi ra hoặc nhập vào thể xác; theo Clearchus, ông đã dùng một *cái đĩa phép thu hút anh hồn* đối với một đứa trẻ đang ngủ; theo Clearchus tường thuật trong tác phẩm *Bàn về Giấc ngủ* thì ông có thuyết phục Aristote rằng anh hồn có thể tách rời khỏi xác phàm rồi lại nhập vào xác phàm và dùng nó làm nơi cư trú. Đó là khi dùng đĩa phép đánh vào đứa trẻ thì có thể nói là ông trục xuất và hướng dẫn linh hồn của nó vì mục đích chứng tỏ rằng thể xác vẫn trở ra khi anh hồn ở cách xa nó và được bảo tồn không bị phương hại; nhưng người ta lại dùng đĩa phép dẫn anh hồn nhập xác, sau khi hồn nhập xác thì nó tường thuật lại được mọi chi tiết đặc biệt. Do đó trong trường hợp này cả khán giả lẫn Aristote đều tin chắc rằng anh hồn đã tách ra khỏi xác phàm”.

Ta có thể thấy là hoàn toàn phi lý khi rất thường nhớ lại các sự kiện về thuật phù thủy dưới ánh sáng trọn vẹn của thế kỷ 19. Nhưng bản thân của thế kỷ này cũng đã xa xưa rồi và nó dần dần đi đến khúc cuối chấm dứt thì dường như thể nó đâm ra lằm lằm lẫn lộn; chẳng những nó từ chối không chịu nhớ lại các sự kiện về thuật phù thủy đã được chứng tỏ nhiều lần xiết bao, mà nó còn từ chối không chịu nhận thức điều đang diễn ra trong vòng 30 năm vừa qua trên khắp thế giới. Sau khi nhiều ngàn năm đã trải qua, chúng tôi có thể nghi ngờ quyền năng pháp thuật của các tu sĩ Thessalonica và các “thuật phù thủy” do Pliny nhắc tới ^[2]; chúng tôi có thể không tin vào thông tin của Duidas, ông tường thuật cuộc đặng vân của Medea và như vậy chúng tôi đã quên rằng pháp thuật là tri thức cao nhất của triết lý thiên nhiên; nhưng làm thế nào mà chúng tôi giải quyết được việc thường xuyên xảy ra chính những cuộc “đặng vân” như thế khi chúng diễn ra ngay trước mắt chúng tôi và được bổ chứng bởi chứng cứ của hàng trăm người xét theo biểu kiến là lành mạnh? Nếu tính phổ biến của một niềm tin là bằng chứng về sự chân thực của nó thì ít có sự kiện nào lại được xác lập vững chắc hơn sự kiện về thuật phù thủy. Thomas Wright, tác giả của quyển *Thuật phù thủy và Pháp thuật* và là một thành viên đa nghi của Học viện Quốc gia Pháp có nói: “Mọi người từ dã man nhất cho tới thanh lịch nhất (chúng tôi cũng có thể nói thêm rằng trong mọi thời đại) đều tin vào cái loại tác nhân siêu tự nhiên mà chúng ta hiểu bằng thuật ngữ này. Nó vốn dựa trên tín điều cũng phổ biến không kém

^[1] Hoàn cảnh dễ sợ ấy được chứng thực bởi vị Thái thú ở thành ấy cùng với quan Chấp chính ở Tỉnh dâng sớ tường trình lên cho Hoàng đế. Câu chuyện này được bà Catherine Crowe tường thuật khiêm tốn trong tác phẩm *Khía cạnh U minh trong Thiên nhiên*, trang 335.

^[2] Pliny, xxx, I.

cho rằng ngoài sự tồn tại hữu hình của chính ta ra, ta còn sống trong một thế giới vô hình gồm các thực thể tâm linh thường hay dẫn dắt hành động và *ngay cả tư tưởng của ta*, họ có một mức độ quyền năng nào đấy đối với ngũ hành và đối với lộ trình thông thường của sự sống hữu cơ". Hơn nữa khi thán phục việc khoa học bí nhiệm này đã thịnh hành xiết bao ở khắp nơi và nhận xét rằng có nhiều trường phái pháp thuật nổi tiếng ở các bộ phận khác nhau tại Âu châu; ông có giải thích niềm tin thời danh cho thấy sự khác nhau giữa thuật phù thủy và pháp thuật khác nhau như sau: "Pháp sư khác với phù thủy ở chỗ, *trong khi phù thủy là một công cụ dốt nát dưới tay chư thần thì pháp sư lại làm chủ được chư thần qua trung gian đầy quyền năng của môn Khoa học*, vốn chỉ ở trong tầm với của một số ít người và chư thần không thể không vâng phục khoa học ấy"^[1]. Tác giả đưa ra phác họa này vốn được xác lập và biết tới từ thời thánh Moses là thoát thai từ "các nguồn chân thực nhất".

Nếu chuyển từ kẻ không tin này sang thẩm quyền của một cao đồ về khoa học bí nhiệm tức là các tác giả vô danh của quyển *Pháp Thuật* thì chúng tôi thấy ông phát biểu như sau: "Bạn đọc có thể thắc mắc chẳng biết đồng cốt và pháp sư khác nhau cốt yếu ở chỗ nào? . . . Đồng cốt là người mà các vong khác có thể biểu lộ qua anh hồn của đồng cốt, các vong linh này chứng tỏ sự hiện diện của mình bằng đủ thứ hiện tượng lạ. Cho dù những hiện tượng này bao gồm điều gì đi chăng nữa thì đồng cốt vẫn chỉ là một tác nhân thụ động dưới tay họ. *Y không thể điều khiển* sự hiện diện của họ cũng như sự vắng mặt của họ, chẳng bao giờ có thể bắt buộc họ thực hành bất kỳ hành vi đặc biệt nào và cũng không điều khiển được bản chất của nó. Ngược lại, pháp sư *có thể triệu thỉnh và tùy ý giải tán các vong linh*; có thể thực thi nhiều chiến tích về quyền năng huyền bí thông qua tinh linh của chính mình; có thể cưỡng chế sự hiện diện và trợ giúp của các vong linh thuộc cấp hơn chính mình và thực hiện việc biến đổi trong địa hạt thiên nhiên đối với các vật thể có tri giác và vô tri giác"^[2].

Tác giả bác học này quên vạch ra một sự phân biệt nổi bật nơi thuật đồng cốt mà ông ắt hoàn toàn quen thuộc. Các hiện tượng vật lý là kết quả của việc các sinh linh thông tuệ vô hình thuộc bất cứ lớp nào vận dụng các thần lực thông qua hệ thống thể chất của đồng cốt. Tóm lại, thuật đồng cốt trên cõi trần tùy thuộc vào sự tổ chức đặc thù của hệ thống tổ chức *vật chất* ấy; thuật đồng cốt tâm linh (vốn có kèm theo việc biểu lộ các hiện tượng lạ trí thức thuộc nội giới), tùy thuộc vào một sự tổ chức cũng đặc thù như thế về bản chất *tâm linh* của đồng cốt. Cũng giống như người thợ gốm từ một khối đất sét nặn ra một cái bình ô nhục và từ một khối đất sét khác nặn ra một cái bình vinh danh; cũng vậy trong đám đồng cốt trần thế, anh hồn mềm dẻo của đồng cốt này có thể được dọn mình cho một hiện tượng lạ ngoại giới nào đó, còn anh hồn của một đồng cốt khác có thể được dọn mình cho một lớp khác. Một khi đã được dọn mình như thế, dường như khó thay đổi được giai kỳ của thuật đồng cốt cũng giống như một thanh thép được rèn ra thành một hình thù nào đó thì người ta không thể dùng nó với một mục đích khác hơn mục đích nguyên thủy mà không gặp khó khăn. Theo thông lệ thì đồng cốt nào được phát triển về một hiện tượng lạ hiếm khi nào chuyển sang lớp khác, mà cứ lập lại cũng cái phương thức biểu diễn ấy *mãi mãi*.

Cơ bút tức việc vong linh ấy trực tiếp viết ra các thông điệp, tham gia vào cả hai dạng đồng cốt. Bản thân việc viết lách là một sự kiện ngoại giới trên cõi trần, trong khi những tình cảm chứa đựng trong bản văn viết ấy có thể có tính cách cao quý nhất. Tính cách này tùy thuộc hoàn toàn vào tính cách đạo đức của đồng cốt. Không nhất thiết là phải giáo dục đồng cốt viết các bộ luận triết học đáng giá như của Aristote, y cũng không nhất thiết được giáo dục thành một nhà thơ để viết ra những vần thơ phản ánh sự tôn vinh với Byron hoặc Lamartine; nhưng nhất thiết là anh hồn của

^[1] T. Wright, Thạc sĩ Khoa học Xã hội và Nhân văn, hội viên Hiệp hội Khoa học . . ., tác phẩm "Thuật phù thủy và Pháp thuật", quyển iii.

^[2] "Pháp Thuật", các trang 159-160.

đồng cốt phải đủ thanh khiết để được dùng làm kênh dẫn cho các chơn linh có thể thổ lộ ra được những tình cảm cao siêu như thế.

Trong tác phẩm *Pháp Thuật*, một trong những bức tranh vui vẻ nhất được trình bày với chúng tôi, đó là bức tranh một đồng cốt thiếu nhi ngây thơ; khi đồng tử này có mặt thì trong vòng ba năm vừa qua các chơn linh đã viết ra bốn bộ bản thảo bằng tiếng Bắc phạn cổ truyền mà không cần bút mực, bút chì hoặc mực. Tác giả nói rằng “Chỉ cần đặt những tờ giấy trắng lên một cái kiềng ba chân, được che chắn kỹ lưỡng không trực tiếp bị ánh sáng chiếu vào nhưng vẫn còn thấy được lờ mờ dưới mắt của những quan sát viên chăm chú. Đứa trẻ ngồi bệt xuống đất, gối đầu lên cái vạc ba chân, choàng vòng tay nhỏ nhắn của mình ôm lấy ba chân đế. Ở tư thế này, nữ đồng tử thường ngủ thiếp đi trong một tiếng đồng hồ, vào thời gian đó những trang giấy ở trên cái đỉnh ba chân được lấp đầy bằng những chữ Bắc phạn cổ truyền viết một cách tinh xảo”. Điều này rõ rệt là một ví dụ về thuật đồng cốt cơ bút và như vậy hoàn toàn minh họa cho nguyên tắc mà chúng tôi đã phát biểu trên đây, theo đó chúng tôi không thể trích dẫn một vài dòng từ một trong các tác phẩm tiếng Bắc phạn, và lại nó còn bao hàm cái bộ phận trong triết lý Hermes tường trình về trạng thái trước kia của con người mà chúng tôi mô tả ít thỏa đáng hơn ở đâu đó.

“Con người sống trên nhiều trái đất trước khi y đạt tới trái đất này. Hằng hà sa số thế giới lúc nhúc trong không gian nơi mà hồn dưới dạng sơ cấp hoàn thành cuộc hành hương của mình trước khi nó đến cái hành tinh lớn lao và chói sáng mà ta gọi là Quả đất với chức năng vinh diệu là ban cấp *ngã thức*. Chỉ ở mức này thôi thì y mới đúng là con người; còn ở mỗi giai đoạn trước kia trong cuộc hành hương rộng lớn mệnh mang thì y chẳng qua chỉ là một thực thể phôi thai – một hình thái vật chất tạm bợ phù du – một tạo vật mà chỉ có *một bộ phận* thuộc về nó là linh hồn cao siêu bị giam hãm mới chiếu sáng được; một hình thái sơ cấp với mọi chức năng sơ cấp, cứ sống đi rồi chết, cấp dưỡng một sự tồn tại tâm linh phù du thoáng qua cũng sơ cấp như cái hình hài vật chất mà nó thoát thai từ ấy; một con bướm bay ra khỏi một cái vỏ kén nhưng khi nó vượt lên bao giờ nó cũng phải trải qua những sự sinh mới, sự chết mới, kiếp lâm phạm mới, chết rồi ngay tức khắc lại sống nhưng vẫn còn vươn lên trên, vẫn còn phấn đấu tiến tới, vẫn còn chạy ùa lên cái con đường gập ghềnh, vất vả, dễ sợ, gây choáng váng cho tới khi một lần nữa nó thức tỉnh dậy, một lần nữa sống dưới dạng hình thái vật chất, một sự vật bằng cát bụi, một tạo vật bằng xương thịt nhưng bây giờ đúng là *một con người*”^[1].

Chúng tôi đã từng một lần chứng kiến ở Ấn Độ việc thi thố tài năng thông linh giữa một *gossein* thánh thiện^[2] với một thầy phù thủy^[3] mà chúng tôi xin tường thuật lại nơi đây. Chúng tôi đã bàn luận về quyền năng tương đối của các vị Pitris fakirs (các chơn linh tiền Adam) và các đồng minh vô hình của thầy pháp. Người ta đồng ý việc thi thố tài năng và chọn tác giả làm trọng tài. Chúng tôi đi nghỉ vào lúc xế trưa bên cạnh một cái hồ nhỏ ở Bắc Ấn Độ. Trên bề mặt nước bóng loáng có trôi nổi vô số đóa hoa mọc dưới nước và những chiếc lá lớn bóng loáng. Mỗi một người tranh đua ngắt một chiếc lá. Vị fakir nằm úp sấp ngực xuống, khoanh tay lại và rớt vào trạng thái xuất thần nhất thời, thế rồi y đặt chiếc lá với bề mặt úp xuống trên mặt nước. Người thầy pháp tự cho là mình đã kiểm soát được “thần nước” tức tinh linh ở trong nước và khoe khoang rằng mình có thể cưỡng chế quyền năng ngăn cản các pitris không biểu lộ được bất kỳ hiện tượng lạ nào thuộc về *hành* của mình trên chiếc lá của vị fakir. Y lấy cái lá của chính mình quăng nó xuống nước sau khi lẩm nhẩm đọc một loại thần chú man rợ nào đó. Nó ngay tức khắc phô bày một sự xáo trộn mãnh liệt trong khi chiếc lá kia vẫn còn hoàn toàn bất động. Sau khoảng vài giây, cả

[1] “Pháp Thuật”, trang 28.

[2] Đạo sĩ fakir, người hành khất.

[3] Người ta gọi như thế là nhà ảo thuật.

hai chiếc lá được vớt lên. Trên chiếc lá của vị fakir ta thấy – điều khiến thầy pháp công phần rất nhiều – một điều gì đó giống như một bảng thiết kế đối xứng vạch bằng loại chữ trắng như sữa đường như thể người ta dùng nhựa của cây để làm lưu chất viết theo lối ăn mòn. Khi mực khô đi và ta có dịp khảo sát những dòng chữ kỹ lưỡng thì nó tỏ ra là một loạt những chữ Bắc phạt được viết rất tinh xảo; toàn thể hợp thành một câu thể hiện một huấn điều đạo đức cao siêu. Chúng tôi xin nói rằng vị fakir không biết đọc, cũng chẳng biết viết. Trên chiếc lá của thầy pháp thay vì là chữ viết thì ta thấy hình vẽ một khuôn mặt tinh nghịch gớm ghiết nhất. Do đó mỗi chiếc lá mang ấn tượng hoặc phản ánh ẩn dụ tính tình của người ganh đua và biểu lộ phẩm chất của các thực thể tâm linh bao xung quanh người ấy. Nhưng rất tiếc chúng tôi một lần nữa phải rời bỏ Ấn Độ với bầu trời xanh và quá khứ huyền bí, những tín đồ tôn giáo và thầy phù thủy quái dị của nó trên cái thảm bay của nhà lịch sử chuyển vận chúng tôi trở về bầu không khí cổ lỗ của Hàn lâm viện Pháp.

Để thẩm định sự rụt rè, thành kiến và sự hời hợt vốn đánh dấu việc khảo luận về các đề tài tâm lý trong quá khứ, chúng tôi đề nghị duyệt lại một quyển sách ngay trước mắt chúng tôi. Đó là quyển *Lịch sử Phép lạ trong thời Hiện đại*. Tác phẩm này được xuất bản bởi tác giả là một bác sĩ Figuiet đầy học thức, nó chứa đầy những điều trích dẫn từ các nhân vật có thẩm quyền rành rành nhất về sinh lý học, tâm lý học và y học. Bác sĩ Calmeil, tổng giám đốc nổi tiếng của bệnh viện tâm thần Charenton trú danh ở Pháp, vốn là vị thần Atlas cường tráng mà thế giới bác học này dựa trên đôi vai lực lưỡng của ông. Đó là thành quả chín muồi của tư tưởng vào năm 1860 cho nên nó phải mãi mãi giữ một địa vị đặc biệt trong số những tác phẩm *nghệ thuật* kỳ diệu nhất. Có động cơ thúc đẩy là vị thần khoa học lẫn xăn quyết tâm tiêu diệt mê tín dị đoan – và do đó là thuyết duy linh – chỉ nội trong một cú thổi, tác giả đã cung cấp cho ta một tổng quan về những ví dụ đáng chú ý nhất trong những hiện tượng đồng cốt của hai thế kỷ vừa qua.

Phần bàn luận bao gồm các vị đạo sư ở Cevennes, các môn đồ Camisards, môn đồ Jansen và Tu viện trưởng Paris cùng với những trận dịch lịch sử khác mà vì hầu hết mọi tác giả về các hiện tượng lạ thời nay đã mô tả chúng trong vòng 20 năm vừa qua, cho nên chúng tôi xin nhắc tới càng ngắn gọn càng tốt. Không phải là những *sự kiện* mới khiến chúng tôi muốn đưa ra bàn luận trở lại, mà chúng tôi chỉ muốn bàn về cách thức xem xét và khảo luận những sự kiện ấy, bởi vì những vị có trách nhiệm lớn hơn về những thắc mắc này trên cương vị là các y sĩ và những người có thẩm quyền được công nhận. Nếu tác giả đầy thành kiến này mà được giới thiệu cho bạn đọc vào lúc ấy thì đó là vì tác phẩm của ông giúp cho chúng tôi chỉ ra được các sự kiện huyền bí và những pha trình diễn có thể trông mong được điều gì từ khoa học chính thống. Khi người ta khảo luận về những bệnh dịch tâm lý nổi tiếng nhất trên thế giới như vậy, thì điều gì sẽ khiến cho một nhà duy vật nghiêm chỉnh nghiêm cứu những hiện tượng khác cũng xác thực và thú vị chẳng kém, nhưng vẫn còn ít bình dân hơn? Ta nên nhớ rằng những phức trình của đủ thứ ủy ban gửi cho các hàn lâm viện tương ứng vào thời đó cũng như biên bản của các tòa án pháp đình vẫn còn tồn tại và có thể được tham khảo với mục đích kiểm chứng. Bác sĩ Figuiet đã biên soạn tác phẩm dị thường của mình từ những nguồn thông tin không thể bác bỏ được như trên. Ít ra thì chúng tôi cũng trình bày đại khái những lập luận vô song mà tác giả dùng để tìm cách phá tan mọi dạng thuyết siêu tự nhiên cùng với phần bình luận về Ma quỷ học của Des Mousseaux, ở một trong những tác phẩm của mình ^[1], ông đã vồ lấy nạn nhân đa nghi của mình giống như một con cọp vồ mồi.

Học viên không thành kiến có thể thu hoạch được một vụ mùa bội thu giữa hai kẻ cực đoan: nhà duy vật và kẻ ngu tín.

[1] “Phong tục và phép Thực hành của Chư thần”

Chúng ta sẽ bắt đầu với các tín đồ Kinh phong ở Cevennes, bệnh dịch bao gồm những hiện tượng lạ gây sững sốt này xảy ra ở phần sau của thế kỷ 18. Các biện pháp tàn nhẫn mà tín đồ Công giáo người Pháp chọn theo để diệt trừ tận gốc rễ óc tiên tri, trục xuất khỏi trọn cả dân chúng mang tính lịch sử mà không cần được lập lại ở đây. Chỉ nội sự kiện một dúm người nam nữ và trẻ con không quá 2.000 người, có thể đương cự được trong hàng năm trời với quân đội của nhà vua phối hợp với dân quân lên tới 60.000 người, bản thân điều đó cũng là một phép lạ rồi. Mọi phép lạ đều được ghi chép lại và *biên bản* vào thời ấy được bảo tồn trong Văn khố nước Pháp mãi đến tận ngày nay. Ngoài ra còn có một bản báo cáo chính thức khác, do Tu viện trưởng khốc liệt Chayla gửi tới Rome, đây là Tu viện trưởng ở Laval; trong báo cáo ấy, ông than phiền rằng *Tà thần* mạnh đến nỗi không một sự hành hạ, không một phép trục tà ma theo tòa án tôn giáo nào có thể trục xuất tà thần ra khỏi người Cevennes. Ông nói thêm rằng, ông nắm bàn tay của họ khép chặt lại xung quanh những cục than đang cháy đỏ mà thậm chí các bàn tay không hề bị cháy xém. Ông quấn trọn thân mình những người ấy *bằng vải bông tẩm dầu*, rồi nổi lửa và trong nhiều trường hợp không tìm ra được một vết phỏng rộp nào trên lớp da của họ; người ta bắn những quả cầu vào họ và thấy chúng bị dẹp đi giữa lớp da và lớp quần áo mà không gây tổn thương cho họ v.v. . .

Khi chấp nhận trọn cả câu chuyện trên là nền tảng vững chắc cho nền tảng lập luận đầy học thức của mình, bác sĩ Figuiet có nói như sau: "Vào cuối thế kỷ 17, một bà già du nhập vào Cevennes óc tiên tri. Bà trao truyền nó cho các thiếu niên nam nữ, đến lượt chúng tỏ ra nó và truyền bá nó ở bầu không khí xung quanh . . . Phụ nữ và trẻ con trở nên nhạy cảm nhất với sự truyền nhiễm này"(quyển II, trang 261). "Những người nam nữ và *trẻ con* đều nói theo linh hứng, không phải bằng *tiếng bồi* thông thường mà bằng tiếng Pháp thuần túy nhất – một ngôn ngữ hoàn toàn chẳng ai biết tới ở xứ này vào thời đó. Theo như tôi học biết được từ *biên bản* thì trẻ con chỉ mới có 12 tháng, thậm chí còn ít tuổi hơn nữa, trước đó hầu như chỉ phát âm được một vài âm tiết ngắn, thế mà lại nói chuyện lưu loát và tiên tri nữa". Figuiet nói: "Tám ngàn nhà tiên tri rải rác khắp xứ sở; các bác sĩ và y sĩ tài ba được gửi tới đó". Một nửa trường Y khoa ở Pháp, trong số đó có Khoa Y Montpellier, vội vã tìm đến nơi này. Người ta tổ chức khám bệnh và các y sĩ tuyên bố họ "cảm thấy hân hoan đắm chìm vào sự ngưỡng mộ và khâm phục khi nghe những đứa bé trai và bé gái dốt đặc cán mai và mù chữ mà lại đọc những bài thuyết trình về những điều mà *chúng chưa bao giờ được học*" [1]. Figuiet lên án những huynh đệ chuyên nghiệp phản bội này vì quá hân hoan với các nhà tiên tri ấu thơ là bởi họ "không hiểu điều mà mình chứng kiến là gì" [2]. Nhiều nhà tiên tri cố gắng trao phần hồn của mình cho những người ra sức phá bùa mê thuốc lú [3]. Một số lớn những người này ở trong khoảng từ *ba tới 12 tuổi*, còn có những đứa bé khác *miệng còn hôi sữa* thế mà nói tiếng Pháp chính xác và xuất sắc [4]. Những bài thuyết trình này thường kéo dài trong nhiều giờ vốn không thể có được đối với các nhà hùng biện oắt con nếu chúng ở trong trạng thái bình thường tự nhiên [5].

Nhà điếm sách thắc mắc: "Thế mà đâu là ý nghĩa của một loạt phép lạ như vậy, tất cả đều được thoải mái công nhận trong quyển sách của Figuiet? Chẳng có ý nghĩa gì hết! Ông ta bảo rằng: "Nó chẳng là gì cả ngoại trừ việc là tác dụng của một sự hưng phấn nhất thời của quan năng trí thức" [6]. Ông nói thêm rằng "ta có thể quan sát được những hiện tượng này nơi nhiều bệnh tật của bộ óc".

[1] "Lịch sử Phép lạ vào thời Hiện đại", quyển ii, trang 262.

[2] Như trên

[3] Như trên, trang 265.

[4] Như trên, trang 267, 401, 402.

[5] Như trên, trang 266, . . . 400.

[6] Như trên, trang 403.

Des Mousseaux kêu toáng lên: "Sự hưng phấn nhất thời *kéo dài nhiều tiếng đồng hồ* trong bộ óc sơ sinh chưa thối nôi và chưa cay sữa, nói tiếng Pháp lưu loát trước khi học nói được một từ bằng *tiếng bồi!* Ôi phép lạ của sinh học! *Phép lạ* ấy phải được nhân danh mi!".

Figuier nhận xét rằng: "Trong tác phẩm về bệnh điên, khi tường trình về chứng *cuồng thần* xuất thần của môn đồ Calvin, bác sĩ Cameil kết luận rằng "trong những trường hợp đơn giản ta phải gán bệnh ấy cho CHÚNG CUỒNG THẦN KINH, còn trong những trường hợp có tính cách nghiêm trọng hơn thì đó là *bệnh động kinh* . . . Figuier nói chúng tôi có khuynh hướng ngã theo ý kiến cho rằng đó là một *bệnh riêng biệt* và để có một tên gọi thỏa đáng chỉ bệnh ấy, chúng ta phải bằng lòng với một trong các tín đồ mắc Kinh phong Co giật ở Cevennes ^[1]. Lại là *chứng cuồng thần* và *cuồng thần kinh!* Bản thân y sĩ đoàn ắt phải bị ám ảnh bởi một chứng *cuồng atomomania* bất trị; bằng không thì tại sao họ lại có đưa ra điều trị phi lý như vậy đối với khoa học để hi vọng rằng khoa học sẽ chấp nhận chúng?"

Figuier nói tiếp: "Đó là cơn điên rõ rệt tà ma và *quay sống người* khi các tu sĩ thấy ma quỷ ám người ở khắp mọi nơi thì họ thấy cần phải có những phép lạ để hoặc soi sáng thêm nữa cho tính toàn năng của Ma quỷ hoặc giữ cho nồi nước nóng dùng bữa tối vẫn sôi ở nữ tu viện" ^[2].

Des Mousseaux mộ đạo thành thật tỏ lòng biết ơn Figuier về sự chăm biếm này bởi vì theo như ông nhận định: "Ở *nước Pháp* ông là một trong những tác giả đầu tiên mà chúng tôi sững sốt khi thấy ông *không chối bỏ* hiện tượng lạ vốn đã từ lâu rồi trở nên *không thể chối bỏ* được nữa. Có động cơ thúc đẩy là một óc cao ngạo và ngay cả khinh thường đối với phương pháp mà tiền nhân sử dụng. Bác sĩ Figuier muốn bạn đọc biết rằng ông *không* đi theo cùng con đường như họ. Ông bảo rằng chúng tôi sẽ không chối bỏ những sự kiện, coi đó là không đáng tin cậy, chỉ vì chúng làm cho hệ thống của chúng tôi lúng túng. Ngược lại, chúng tôi sẽ thu thập mọi sự kiện mà cùng một bằng chứng lịch sử đã truyền lại cho chúng tôi . . . Và do đó chúng tôi có quyền cũng được tin cậy như thế dựa trên cùng một khối lượng sự kiện mà chúng tôi dùng làm nền tảng cho *sự giải thích tự nhiên*; đến lượt chúng tôi phải đề ra một sự nối tiếp cho những sự kiện của các nhà bác học vốn đã đi trước chúng tôi bàn về đề tài này" ^[3].

Thế rồi bác sĩ Figuier nói tiếp ^[4]. Ông tiến một vài bước và đặt mình ngay giữa các tín đồ mắc Kinh phong của thánh Medard, ông mời gọi bạn đọc theo chỉ đạo của mình hãy xem xét tỉ mỉ *những phép lạ* vốn chẳng qua chỉ là những hiệu ứng đơn giản của thiên nhiên đối với ông.

Nhưng đến lượt mình, trước khi ta tiến hành trình bày ý kiến của bác sĩ Figuier thì chúng tôi xin bạn đọc nhớ lại cho việc các phép lạ của môn đồ Jansen bao gồm những gì theo bằng chứng lịch sử.

Tu viện trưởng Paris là một môn đồ Jansen, từ trần năm 1727. Ngay sau khi ông qua đời, những hiện tượng gây sững sốt nhất bắt đầu xảy ra ở ngôi mộ của ông. Nghĩa trang đặc nghệt người từ sáng tới khuya. Các môn đồ dòng Tên bực mình khi thấy đám dị giáo chữa bệnh bằng phép lạ cùng với nhiều công trình khác đã xin được trát tòa thẩm phán ra lệnh đóng cửa không cho mọi người đi đến ngôi mộ của Tu viện trưởng. Nhưng mặc dù có mọi sự chống đối, các phép lạ vẫn kéo dài trong hơn 20 năm. Giám mục Douglas tới Paris cũng vì mục đích duy nhất ấy vào năm 1749 đã viếng thăm nơi chốn này và ông tường trình rằng những phép lạ vẫn còn tiếp diễn trong đám tín đồ mắc Kinh phong. Khi mọi nỗ lực chặn đứng chúng đều thất bại thì

[1]"Lịch sử Phép lạ", quyển i, trang 397

[2] Như trên, trang 26, 27.

[3] Như trên, trang 238

[4] Des Mousseaux: "Pháp thuật vào thế kỷ 19", trang 452.

giáo sĩ đoàn Công giáo bắt buộc phải công nhận chúng có thật, nhưng như thường lệ giáo sĩ đoàn che chắn chúng đằng sau chiêu bài Ma quỷ. Trong *Tiểu luận Triết học*, ông Hume có nói rằng: “Chắc chắn chưa bao giờ có một số phép lạ lớn đến nỗi được gán cho một người như những phép lạ mới đây nghe nói đã xảy ra ở Pháp nơi ngôi mộ của Tu viện trường Paris. Đâu đâu người ta cũng xông xáo bàn tán về việc chữa bệnh cho kẻ đau ốm, làm cho kẻ điếc nghe được, người mù trông thấy, coi đó là tác dụng của ngôi mộ linh thiêng. Nhưng điều còn phi thường hơn nữa là có nhiều phép lạ được chứng tỏ ngay tức khắc *tại chỗ* trước mắt các thẩm phán với uy tín và sự xuất chúng không ai nghi ngờ được trong thời đại đầy học thức, và trên một diễn trường nổi bật nhất hiện nay trên thế giới . . . ngay cả các môn đồ dòng Tên mặc dù là một đoàn thể bác học được hỗ trợ bởi các thẩm phán dân sự và quyết tâm thù địch với những ý kiến ủng hộ cho việc nghe nói các phép lạ có xảy ra cũng đã từng có thể phản bác hoặc là dò tìm chúng một cách riêng rẽ . . . Đó là bằng chứng lịch sử”^[1]. Trong tác phẩm *Tự do Điều tra* (quyển sách được viết ra vào thời kỳ mà những sự hiện hình đã giảm bớt đi rồi, nghĩa là vào khoảng 19 năm sau khi chúng đã bắt đầu lần đầu tiên), Tiến sĩ Middleton tuyên bố rằng bằng chứng về các phép lạ này cũng vững mạnh chẳng kém gì những phép lạ được ghi chép lại của các thánh Tông đồ.

Những hiện tượng lạ được hàng ngàn nhân chứng xác nhận trước các vị thẩm phán bất chấp giáo sĩ đoàn Công giáo, vốn là những phép lạ kỳ diệu nhất trong lịch sử. Carré de Montgeron, một nghị sĩ quốc hội và một người nổi tiếng vì có liên hệ với môn đồ Jansen đã liệt kê chúng cẩn thận trong tác phẩm của mình. Nó bao gồm bốn quyển sách dày bằng giấy gấp tư, trong đó quyển đầu tiên được đề tặng cho Đức Vua với tựa đề: “*Sự Thật về các Phép lạ do sự can thiệp của ông de Paris được minh chứng chống lại Tổng Giám mục de Sens. Tác phẩm này được kính dâng lên Đức Vua do ông de Montgeron là Cố vấn của Quốc hội*”. Tác giả trình bày một số lớn bằng chứng chính thức cá nhân mang tính trung thực trong mọi trường hợp. Chính vì ngổ lời *bất kính* đối với giáo sĩ đoàn Roma, cho nên Montgeron mới bị tống vào ngục Bastille, nhưng tác phẩm của ông lại được chấp nhận.

Và bây giờ ta hãy xét tới những quan điểm của Bác sĩ Figuiet về các hiện tượng lạ đáng chú ý và chắc chắn là mang tính lịch sử này. Tác giả bác học trích dẫn từ *biên bản* như sau: “Một tín đồ mắc Kinh phong uốn người thành hình vòng cung, be sườn được nâng lên bởi một cái cọc. Cô ta mong cầu có được sung sướng là bị nện bằng một viên đá nặng 50 cân Anh và bị treo lơ lửng bằng một sợi dây thừng xỏ qua một ròng rọc gắn cố định trên trần nhà. Viên đá được câu lên tới độ cao tối đa, rút xuống với mọi sức nặng trên bao tử của bệnh nhân trong khi lưng của cô lúc nào cũng tựa trên đầu nhọn hoặc của cái cọc. Montgeron và đủ thứ nhân chứng khác chứng nhận cho sự thật là thịt da ở phía sau lưng tuyệt nhiên không hề bị đánh dấu, và cô gái cho thấy mình không hề bị đau đớn chút nào, vẫn cứ la lên ‘Đánh mạnh lên nữa đi!’”.

“Jeanne Maulet, một cô gái mới tuổi đôi mươi tựa lưng vào một bức tường, bị 100 cú đập bằng búa nặng 30 cân Anh nện vào bao tử; những cú đập này do một người đàn ông rất lực lưỡng thực hiện khùng khiếp đến nỗi chúng làm bức tường rung rinh. Để trải nghiệm sức mạnh của những cú đánh, Montgeron thử chúng trên bức tường bằng đá mà cô gái đang tựa lưng vào . . . Ông lấy ra một trong những dụng cụ chữa bệnh của phái Jansen được gọi là TRỢ CỤ LỚN. Ông viết “đến cú đánh thứ 25 thì tảng đá mà tôi đập vào đó do bị rung chuyển bởi những nỗ lực trước kia đột nhiên trở nên bục ra và rớt sang phía bên kia của bức tường tạo thành một lỗ rỗng có kích thước hơn nửa bộ Anh”. Montgeron nói rằng “khi người ta đánh những cú mạnh mẽ lên trên một mũi khoan bằng sắt dí vào bao tử của một Tín đồ mắc Kinh phong (Convulsionnaires) (đôi khi chỉ là một phụ nữ yếu đuối) thì dường như nó xuyên qua cột xương sống và làm vỡ nát ruột gan do sức mạnh của cú đánh” (quyển I, trang

[1] Hume: “Tiểu luận Triết học”, trang 195.

380). “Nhưng xét theo diễn tiến thì Tín đồ mắc Kinh phong lại gào lên với sự biểu lộ ngây ngất trọn vẹn trên khuôn mặt, ‘Ồi sướng quá!Ồi điều đó làm cho tôi thích thú xiết bao! Can đảm lên, huynh ơi, nếu có thể thì hãy đập mạnh lên gập đôi. Bác sĩ Figuier tiếp tục: “Giờ đây ta còn phải cố gắng giải thích về hiện tượng kỳ lạ mà chúng tôi vừa mô tả”.

“Trong phần dẫn nhập cho tác phẩm này, chúng tôi đã nói rằng vào giữa thế kỷ 19, một trong những bệnh dịch nổi tiếng nhất về quỉ ám bộc phát ra ở nước Đức: đó là *Nonnains*, ông thực hiện mọi phép lạ đáng thán phục nhất từ thời thánh Medard và ngay cả một số phép lạ còn lớn hơn nữa; ông nhào lộn LEO LÊN NHỮNG BỨC TƯỜNG ĐỨNG và nói TIẾNG NƯỚC NGOÀI” [1].

Bản phúc trình chính thức về các phép lạ vốn đầy đủ hơn báo cáo của Figuier có nói thêm những chi tiết đặc biệt hơn nữa như: “bệnh nhân trồng chuối ngược trong nhiều tiếng đồng hồ và mô tả chính xác được những diễn biến ở xa ngay cả những chuyện xảy ra trong nhà của những người thuộc ủy ban; và về sau này được kiểm chứng là đúng. Những người nam và nữ bị treo lơ lửng giữa không trung do một lực vô hình và các nỗ lực phối hợp của ủy ban không đủ sức kéo họ xuống. Những bà già leo lên những bức tường thẳng đứng cao tới 30 bộ Anh một cách dẻo dai như một con mèo hoang v.v. . .”

Thế mà người ta nên trông mong rằng nhà phê bình có học thức, y sĩ và nhà tâm lý học lỗi lạc này vốn chẳng những tin vào những hiện tượng khó tin như thế, mà còn tự mình mô tả chúng tỉ mỉ và có thể nói là *say mê*, tất nhiên làm cho công chúng phải sửng sốt khi đọc một lời giải thích dị thường như vậy về quan điểm khoa học của ông gây ra một cuộc cách mạng thật sự trong những địa hạt còn chưa thám hiểm thuộc tâm lý học. Đúng vậy, ông làm chúng ta sửng sốt vì mọi điều mà ông âm thầm nhận xét: “Chỉ cần cầu viện tới *sự kết hôn* là chặn đứng ngay được những chứng lộn xộn đám Tín đồ mắc Kinh phong này!” [2]

Đó là vì Des Mousseaux đã từng một lần chiếm ưu thế so với địch thủ. Ông nhận xét rằng: “Kết hôn, bạn có hiểu chưa? Việc kết hôn chữa cho họ mất tiêu cái năng lực leo lên những bức tường thẳng đứng giống như biết bao nhiêu con ruồi và nói được tiếng nước ngoài nữa. Ôi! Những tính chất diệu kỳ của việc kết hôn vào cái thời đáng chú ý ấy!”

Figuier nói tiếp: “Ta ắt nói thêm rằng đối với kẻ cuồng tín theo thánh Medard thì các cú đâm chưa bao giờ thực hiện ngoại trừ trong các cơn co giật và do đó theo như Bác sĩ Calmeil gợi ý, trong các cơn co trướng, tử cung phụ nữ bị *co rút*, đường tiêu hóa bị co giật trong mọi trường hợp, trạng thái *co rút kích thích cương nở của các lớp vỏ thịt thuộc các lớp cơ* che chở và bảo vệ cho bụng dưới, lồng ngực, các khối mạch máu chính yếu và các bề mặt xương sấu, *tất cả những thứ đó có thể đặc biệt đóng góp vào việc làm giảm thiểu hoặc ngay cả hóa giải* lực công phá của các cú đâm!”.

Sức cản gây sửng sốt của da, mô quầng, bề mặt của các cơ thể và tay chân của các Tín đồ phải co giật đối với các sự vật lẽ ra dường như phải xé toạc hoặc nghiền nát chúng, có một bản chất kích động nhiều sự kinh ngạc hơn nữa. Tuy nhiên ta có thể giải thích được nó. Lực cản này, sự thiếu nhạy cảm này dường như tham dự vào những sự thay đổi cực kỳ về tính nhạy cảm vốn có thể xảy ra trong cơ cấu tổ chức động vật vào lúc hưng phần nhiều. Giận dữ, sợ hãi, tóm lại mọi xúc động mạnh miễn là nó được nâng lên tới mức tột đỉnh đều có thể tạo ra sự vô cảm này” [3].

Bác sĩ Cameil đối đáp và được Figuier trích dẫn như sau: “Hơn nữa, ta nên nhận xét rằng để đập lên cơ thể Tín đồ mắc Kinh phong, người ta thường dùng những vật

[1] “Lịch sử Phép lạ”, trang 401.

[2] Như trên.

[3] Như trên, quyển ii, trang 410, 411.

đồ sộ có bề mặt dẹt hoặc tròn hoặc có hình dáng tù và hình trụ ^[1]. Xét về nguy cơ liên quan tới chúng, tác động của những tác nhân vật lý như thế không thể sánh được với tác động của các dây thừng, các dụng cụ mềm mại hoặc dẻo dai và các dụng cụ có mép sắc. Tóm lại sự tiếp xúc và cơn chấn động mạnh mà các cú đâm tạo ra nơi Tín đồ mặc Kinh phong *có tác dụng như thoa xà bông vệ sinh* làm giảm sự kích động mạnh mẽ của những trò hành hạ trong CON CUỒNG THẦN KINH”.

Bạn đọc nên nhận xét rằng người ta không dụng ý coi đây là một câu nói đùa, mà là một thuyết mực thước của một trong những y sĩ xuất sắc nhất nước Pháp, nặng trĩu tuổi đời và kinh nghiệm đầy mình, Tổng Giám đốc của Bệnh viện Tâm thần Nhà nước ở Charenton. Thật vậy, lời giải thích nêu trên có thể dẫn bạn đọc tới một mối nghi ngờ kỳ lạ. Có lẽ chúng ta có thể tưởng tượng rằng Bác sĩ Cameil đã kè kè bên cạnh bệnh nhân được mình chăm sóc nhiều hơn vài năm đủ cho tác động lành mạnh của bộ óc chính ông.

Ngoài ra khi Figuier nói tới những vật lớn lao hình trụ hoặc hình tù thì chắc chắn ông đã quên mất những cây gươm sắc bén, những cọc sắt nhọn và những lưỡi rìu mà chính ông mô tả bằng hình vẽ ở trang 409 trong quyển sách đầu tiên. Ông trình bày anh của Elie Marion dùng sức mạnh ghê gớm cầm mũi nhọn của một con dao vào bao tử và bụng dưới; “trong khi đó cơ thể ông vẫn kháng cự lại dường như nó được làm bằng sắt thép”.

Khi đến chỗ này thì Des Mousseaux mất hết kiên nhẫn và công phần la lên:

“Chẳng biết nhà y sĩ đầy học thức này có hoàn toàn tỉnh táo hay chẳng khi viết ra những câu nêu trên? . . . Biết đâu nếu Bác sĩ Calmeil và Figuier mà nghiêm chỉnh khẳng định lời xác nhận của mình khẳng khái bám lấy thuyết của họ thì chúng tôi xin sẵn sàng thách mắc với họ như sau: ‘Chúng tôi hoàn toàn sẵn lòng tin vào quý ông, nhưng đứng trước một nỗ lực hạ cố siêu nhân như thế, liệu quý ông có chứng minh được cho chúng tôi sự thật trong thuyết của quý ông một cách thực tế hơn hay chẳng? Chẳng hạn như ta hãy phát triển nơi quý ông một xúc động mạnh ghê gớm và tàn bạo - nếu muốn thì đó là cơn giận điên lên. Quý ông sẽ cho phép chúng tôi chỉ một lần nhìn thấy quý ông bực bội, thô bạo và xúc phạm người khác. Cố nhiên là chúng tôi chỉ làm như thế theo *yêu cầu của quý ông*, vì lợi ích của khoa học và chính nghĩa của quý ông. Theo hợp đồng thì bổn phận của chúng tôi cốt ở việc lắng nghe quý ông và khiêu khích quý ông đến tận cùng. Đứng trước cử tọa công chúng vốn chẳng biết gì về thỏa thuận giữa chúng ta, nhưng bạn phải thỏa mãn cho những điều quả quyết của mình thì chúng tôi sẽ lắng nghe bạn . . . Chúng tôi sẽ bảo bạn rằng các tác phẩm của bạn là một ổ phục kích đối với sự thật, một điều sỉ nhục đối với óc phân biệt phải trái thông thường, một sự ô nhục mà chỉ có giấy tờ mới chịu đựng nổi còn công chúng sẽ trừng phạt. Chúng tôi sẽ nói thêm rằng *bạn nói dối đối với khoa học*, nói dối vào tai những kẻ điên rồ ngu xuẩn và dốt nát tụ tập xung quanh bạn, há hốc miệng ra giống như đám đông vây xung quanh một kẻ sơn đồng mãi võ. Và khi bị kích lên vượt quá khả năng mình thì mặt bạn sẽ bừng bừng giận dữ đỏ mặt tía tai, *lưu chất trong người bạn ắt chạy lộn xộn*, khi cơn giận dữ của bạn đã đạt tới mức bùng nổ thì chúng tôi sẽ khiến cho những cú đâm mạnh mẽ quật vào các cơ bắp đang cương phòng của bạn; thân hữu của bạn sẽ chỉ cho chúng ta những chỗ vô cảm nhất, chúng ta sẽ để cho một cơn mưa rào hoàn toàn, một dòng thác lũ đá rót xuống chúng . . . vì khi được đối xử như thế da thịt của những người phụ nữ mặc kinh phong vốn khao khát những cú đâm như vậy chẳng bao giờ có thể thỏa mãn được. Nhưng để cho bạn thỏa mãn được một vụ *thoa xà phòng y tế* - theo cách diễn tả tế nhị của bạn - thì người ta chỉ đập vào tay chân bạn bằng một vật có *bề mặt cùn nhut và có dáng hình trụ*, với những dùi cui và gậy gộc không mềm dẻo và nếu bạn thích thì chúng đã được tiện nhẫn nhụi trên một máy tiện”.

[1] Như trên, trang 407.

Des Mousseaux vốn phóng khoáng và quyết tâm cung cấp cho các đối thủ của mình mọi cơ may khả hữu để chứng tỏ thuyết của họ đến nỗi ông cung cấp cho họ sự lựa chọn bằng cách thay thế trong cuộc thí nghiệm này hoặc là vợ, mẹ, con gái hoặc là chị em gái; ông bảo rằng "bởi vì bạn đã nhận thức rằng trong những cuộc thử thách gây sửng sốt này thì phái yếu lại là phái mạnh chịu đựng được nhiều hơn".

Thật uổng công mà nhận xét rằng thách thức của Des Mousseaux vẫn còn chưa được ai đáp ứng.
